

### Phân công công việc

Tên thành viên	Nhiệm vụ
Nguyễn Mạnh Đức	<ul style="list-style-type: none"><li>• FrontEnd</li></ul>
Nguyễn Đức Duy	<ul style="list-style-type: none"><li>• Làm báo cáo</li></ul>
Nguyễn Đức Anh	<ul style="list-style-type: none"><li>• Frontend</li></ul>
Hoàng Lê Tuấn Minh	<ul style="list-style-type: none"><li>• Frontend</li><li>• Slide</li></ul>
Nguyễn Duy Hiệp	<ul style="list-style-type: none"><li>• Làm backend</li></ul>

## MỤC LỤC

<b>1.</b>	<b>Slide .....</b>	<b>6</b>
<b>2.</b>	<b>Giới thiệu .....</b>	<b>6</b>
2.1.	Mục đích của hệ thống.....	6
2.2.	Phạm vi .....	6
<b>3.</b>	<b>Yêu cầu chính của hệ thống .....</b>	<b>6</b>
3.1.	Quản lý người dùng .....	6
3.2.	Quản lý bài viết.....	6
3.3.	Quản lý tin .....	6
3.4.	Quản lý bạn bè .....	7
3.5.	Bày tỏ cảm xúc .....	7
3.6.	Bình luận.....	7
3.7.	Nhắn tin .....	7
<b>4.</b>	<b>Class Diagram .....</b>	<b>8</b>
<b>5.</b>	<b>Sơ đồ ERD .....</b>	<b>9</b>
<b>6.</b>	<b>Use Case .....</b>	<b>10</b>
6.1.	Use Case tổng quát .....	10
6.2.	Biểu đồ use case quản lý người dùng .....	10
6.3.	Biểu đồ use case quản lý bài viết.....	12
6.4.	Biểu đồ use case quản lý bạn bè .....	13
6.5.	Biểu đồ use case quản lý tin.....	14
6.6.	Biểu đồ use case bình luận.....	15
6.7.	Biểu đồ use case bày tỏ cảm xúc .....	16
6.8.	Biểu đồ use case nhắn tin.....	17
<b>7.</b>	<b>Đặc tả các Use Case.....</b>	<b>18</b>
7.1.	Đăng ký.....	18
7.2.	Đăng nhập.....	19
7.3.	Đăng xuất.....	20
7.4.	Cập nhật thông tin tài khoản.....	21
7.5.	Đăng bài viết.....	22
7.6.	Xem bài viết.....	23
7.7.	Chỉnh sửa bài viết .....	24

7.8.	Xóa bài viết.....	25
7.9.	Gửi lời mời kết bạn.....	26
7.10.	Xác nhận hoặc từ chối lời mời kết bạn .....	27
7.11.	Chặn hoặc bỏ chặn người dùng .....	28
7.12.	Tạo danh mục tin .....	29
7.13.	Xem danh mục tin.....	30
7.14.	Chỉnh sửa danh mục tin .....	31
7.15.	Xóa danh mục tin.....	32
7.16.	Đăng tin .....	33
7.17.	Xem tin .....	34
7.18.	Xóa tin .....	35
7.19.	Thêm bình luận .....	36
7.20.	Trả lời bình luận.....	37
7.21.	Chỉnh sửa bình luận.....	38
7.22.	Xóa bình luận.....	39
7.23.	Thêm cảm xúc.....	40
7.24.	Thay đổi cảm xúc.....	41
7.25.	Xem cảm xúc .....	42
7.26.	Xóa cảm xúc .....	43
7.27.	Nhấn tin vào nhóm.....	44
7.28.	Xem tin nhấn nhóm .....	45
7.29.	Nhấn tin riêng tư.....	46
7.30.	Xem tin nhấn riêng tư .....	47
<b>8.</b>	<b>Sequence.....</b>	<b>48</b>
8.1.	Đăng ký.....	48
8.2.	Đăng nhập.....	48
8.3.	Cập nhật thông tin tài khoản .....	49
8.4.	Đăng bài viết.....	49
8.5.	Xem bài viết.....	50
8.6.	Xóa bài viết.....	50
8.7.	Gửi lời mời kết bạn.....	51
8.8.	Chấp nhận lời mời kết bạn.....	51

8.9.	Hủy kết bạn.....	51
8.10.	Chặn người dùng.....	52
8.11.	Bỏ chặn người dùng.....	52
8.12.	Tạo danh mục tin .....	53
8.13.	Chỉnh sửa danh mục tin .....	53
8.14.	Xóa danh mục tin.....	54
8.15.	Đăng tin .....	54
8.16.	Xóa tin .....	55
8.17.	Bình luận.....	55
8.18.	Chỉnh sửa bình luận .....	56
8.19.	Xóa bình luận.....	56
8.20.	Bày tỏ cảm xúc .....	57
8.21.	Thay đổi cảm xúc.....	57
8.22.	Hủy bày tỏ cảm xúc .....	58
8.23.	Nhắn tin .....	58
<b>9.</b>	<b>Tài liệu tham khảo .....</b>	<b>59</b>

## DANH MỤC CÁC HÌNH ẢNH

Hình 1: Biểu đồ use case tổng quan.....	10
Hình 2: Biểu đồ use case quản lý người dùng .....	11
Hình 3: Biểu đồ use case quản lý bài viết.....	12
Hình 4: Biểu đồ use case quản lý bạn bè .....	13
Hình 5: Biểu đồ use case quản lý tin.....	14
Hình 6: Biểu đồ use case bình luận.....	15
Hình 7: Biểu đồ use case bày tỏ cảm xúc .....	16
Hình 8: Biểu đồ use case nhấn tin.....	17
Hình 9: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Đăng ký”. .....	48
Hình 10: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Đăng nhập”.....	48
Hình 11: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Cập nhật thông tin tài khoản”.....	49
Hình 12: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Đăng bài viết”.....	49
Hình 13: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Xem bài viết”. .....	50
Hình 14: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Xóa bài viết”.....	50
Hình 15: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Gửi lời mời kết bạn”.....	51
Hình 16: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Chấp nhận lời mời kết bạn”.....	51
Hình 16: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Hủy kết bạn”.....	51
Hình 17: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Chặn người dùng”. .....	52
Hình 18: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Bỏ chặn người dùng”. .....	52
Hình 19: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Tạo danh mục tin”.....	53
Hình 20: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Chỉnh sửa danh mục tin”.....	53
Hình 21: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Xóa danh mục tin”.....	54
Hình 22: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Đăng tin”. .....	54
Hình 23: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Xóa tin”. .....	55
Hình 24: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Bình luận”. .....	55
Hình 25: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Chỉnh sửa bình luận”.....	56
Hình 26: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Xóa bình luận”. .....	56
Hình 27: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Bày tỏ cảm xúc” .....	57
Hình 28: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Thay đổi cảm xúc”. .....	57
Hình 29: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Hủy bày tỏ cảm xúc”.....	58
Hình 30: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Nhấn tin”. .....	58

## DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1: Bảng đặc tả chức năng “Đăng ký”	18
Bảng 2: Bảng đặc tả chức năng “Đăng nhập”	19
Bảng 3: Bảng đặc tả chức năng “Đăng xuất”	20
Bảng 4: Bảng đặc tả chức năng “Cập nhật thông tin tài khoản”	21
Bảng 5: Bảng đặc tả chức năng “Đăng bài viết”	22
Bảng 6: Bảng đặc tả chức năng “Xem bài viết”	23
Bảng 7: Bảng đặc tả chức năng “Chỉnh sửa bài viết”	24
Bảng 8: Bảng đặc tả chức năng “Xóa bài viết”	25
Bảng 9: Bảng đặc tả chức năng “Gửi lời mời kết bạn”	26
Bảng 10: Bảng đặc tả chức năng “Xác nhận hoặc từ chối lời mời kết bạn”	27
Bảng 11: Bảng đặc tả chức năng “Chặn hoặc bỏ chặn người dùng”	28
Bảng 12: Bảng đặc tả chức năng “Tạo danh mục tin”	29
Bảng 13: Bảng đặc tả chức năng “Xem danh mục tin”	30
Bảng 14: Bảng đặc tả chức năng “Chỉnh sửa danh mục tin”	31
Bảng 15: Bảng đặc tả chức năng “Xóa danh mục tin”	32
Bảng 16: Bảng đặc tả chức năng “Đăng tin”	33
Bảng 17: Bảng đặc tả chức năng “Xem tin”	34
Bảng 18: Bảng đặc tả chức năng “Xóa tin”	35
Bảng 19: Bảng đặc tả chức năng “Thêm bình luận”	36
Bảng 20: Bảng đặc tả chức năng “Trả lời bình luận”	37
Bảng 21: Bảng đặc tả chức năng “Chỉnh sửa bình luận”	38
Bảng 22: Bảng đặc tả chức năng “Xóa bình luận”	39
Bảng 23: Bảng đặc tả chức năng “Thêm cảm xúc”	40
Bảng 24: Bảng đặc tả chức năng “Thay đổi cảm xúc”	41
Bảng 25: Bảng đặc tả chức năng “Xem cảm xúc”	42
Bảng 26: Bảng đặc tả chức năng “Xóa cảm xúc”	43
Bảng 27: Bảng đặc tả chức năng “Nhấn tin vào nhóm”	44
Bảng 28: Bảng đặc tả chức năng “Xem tin nhấn nhóm”	45
Bảng 29: Bảng đặc tả chức năng “Nhấn tin riêng tư”	46
Bảng 30: Bảng đặc tả chức năng “Xem tin nhấn riêng tư”	47

## Tài liệu yêu cầu hệ thống (SRS)

### 1. Slide

[https://www.canva.com/design/DAGZIhn5RZQ/ibFWUhBezMYS0Dvq9HCMSQ/view?utm\\_content=DAGZIhn5RZQ&utm\\_campaign=designshare&utm\\_medium=link2&utm\\_source=uniquelinks&utm\\_id=hefb42cb119&fbclid=IwZXh0bgNhZW0CMTEAAAR00lVhTMI1I80qvqfJrqrUm5LBsdlQNdTWVK3BokdHXcE0J0pEfIFeUNHA\\_aem\\_L2mk3m6hU8s0tAeseO4qyA](https://www.canva.com/design/DAGZIhn5RZQ/ibFWUhBezMYS0Dvq9HCMSQ/view?utm_content=DAGZIhn5RZQ&utm_campaign=designshare&utm_medium=link2&utm_source=uniquelinks&utm_id=hefb42cb119&fbclid=IwZXh0bgNhZW0CMTEAAAR00lVhTMI1I80qvqfJrqrUm5LBsdlQNdTWVK3BokdHXcE0J0pEfIFeUNHA_aem_L2mk3m6hU8s0tAeseO4qyA)

### 2. Giới thiệu

#### 2.1. Mục đích của hệ thống

Hệ thống mạng xã hội được thiết kế để trở thành một nền tảng toàn diện giúp người dùng dễ dàng giao lưu, chia sẻ thông tin, kết nối và tương tác với nhau trong thời gian thực. Mục tiêu của hệ thống là xây dựng một không gian trực tuyến hiện đại, an toàn và hiệu quả, nơi mọi người có thể thể hiện bản thân, chia sẻ nội dung đa dạng và phát triển các mối quan hệ cá nhân hoặc công việc.

#### 2.2. Phạm vi

Trang web này nhắm đến mọi đối tượng người dùng, từ cá nhân muốn duy trì các mối quan hệ xã hội, nhóm bạn cùng sở thích, đến các tổ chức hoặc doanh nghiệp muốn mở rộng phạm vi kết nối của mình. Hệ thống sẽ cung cấp các chức năng từ cơ bản như đăng ký tài khoản, nhắn tin, đăng bài viết đến các tính năng phức tạp hơn như quản lý bạn bè, tổ chức các nhóm và phân tích tương tác xã hội.

### 3. Yêu cầu chính của hệ thống

#### 3.1. Quản lý người dùng

- Đăng ký tài khoản: Người dùng có thể tạo tài khoản mới bằng cách cung cấp thông tin như email, số điện thoại, hoặc sử dụng các nền tảng liên kết như Google, Facebook.
- Đăng nhập/Đăng xuất: Cho phép truy cập vào tài khoản cá nhân và thoát khỏi hệ thống an toàn.
- Chính sửa thông tin cá nhân: Bao gồm khả năng cập nhật tên, ảnh đại diện, mô tả bản thân, và các thông tin liên hệ.

#### 3.2. Quản lý bài viết

- Đăng bài viết: Người dùng có thể tạo nội dung gồm văn bản, hình ảnh, video, và gắn thẻ bạn bè.
- Chính sửa bài viết: Hỗ trợ thay đổi nội dung bài viết, bao gồm cập nhật file đính kèm.
- Xóa bài viết: Loại bỏ bài viết khỏi hệ thống mà không làm ảnh hưởng đến các tương tác liên quan.

#### 3.3. Quản lý tin

- Tạo danh mục tin: Người dùng tổ chức các danh mục tin theo chủ đề, sở thích.
- Xem danh mục tin: Hỗ trợ tìm kiếm và duyệt danh mục tin theo thời gian hoặc mức độ phổ biến.
- Xóa danh mục tin: Giúp duy trì sự gọn gàng và loại bỏ các danh mục không còn hữu ích.
- Đăng tin: Đưa các tin ngắn vào danh mục, phù hợp cho các cập nhật nhanh hoặc tin nổi bật.
- Xem tin: Giao diện hiển thị trực quan, hỗ trợ cuộn ngang hoặc dọc.
- Xóa tin: Loại bỏ các tin lỗi thời hoặc không còn phù hợp.

### **3.4. Quản lý bạn bè**

- Gửi lời mời kết bạn: Người dùng có thể tìm kiếm và mời bạn mới thông qua tên, email, hoặc gợi ý từ hệ thống.
- Xác nhận kết bạn: Dễ dàng chấp nhận hoặc từ chối các lời mời kết bạn.
- Hủy kết bạn: Gỡ bỏ liên kết với bạn bè trong danh sách.
- Chặn: Bảo vệ quyền riêng tư bằng cách chặn người dùng không mong muốn.
- Bỏ chặn: Khôi phục khả năng kết nối với người đã chặn trước đó.

### **3.5. Bày tỏ cảm xúc**

- Thêm cảm xúc: Người dùng thể hiện cảm nhận của mình với bài viết hoặc bình luận thông qua các biểu tượng cảm xúc đa dạng.
- Thay đổi cảm xúc: Cho phép người dùng cập nhật cảm xúc đã bày tỏ trước đó.
- Xem cảm xúc: Hiển thị danh sách các cảm xúc của người dùng khác trên bài viết.
- Xóa cảm xúc: Gỡ bỏ cảm xúc đã bày tỏ nếu không còn phù hợp.

### **3.6. Bình luận**

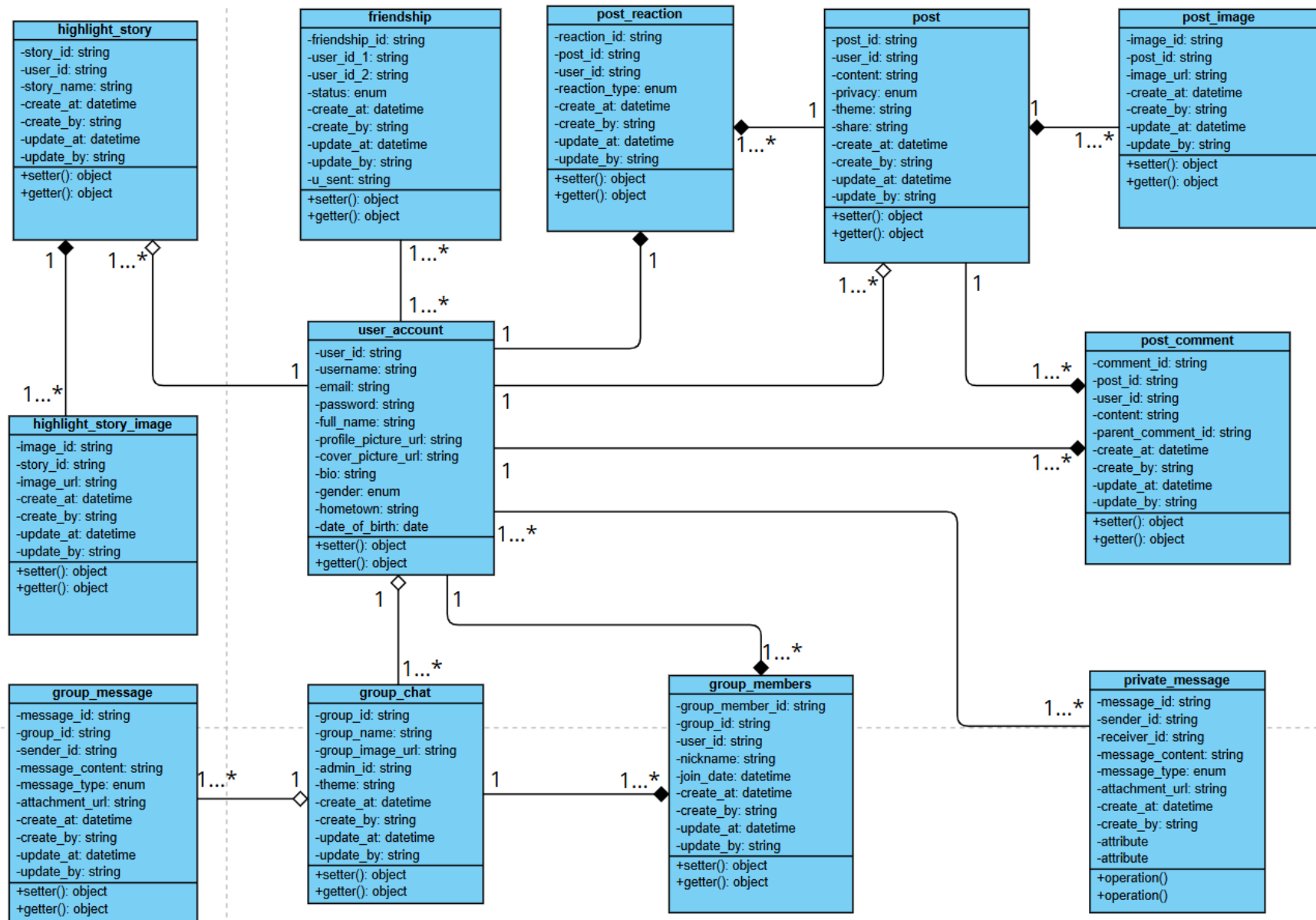
- Thêm bình luận: Người dùng có thể viết bình luận trực tiếp trên bài viết hoặc tin.
- Trả lời bình luận: Hỗ trợ hệ thống phân cấp giúp tương tác bình luận trực tiếp.
- Chỉnh sửa bình luận: Thay đổi nội dung các bình luận mà không mất lịch sử tương tác.
- Xóa bình luận: Loại bỏ bình luận đã đăng.

### **3.7. Nhắn tin**

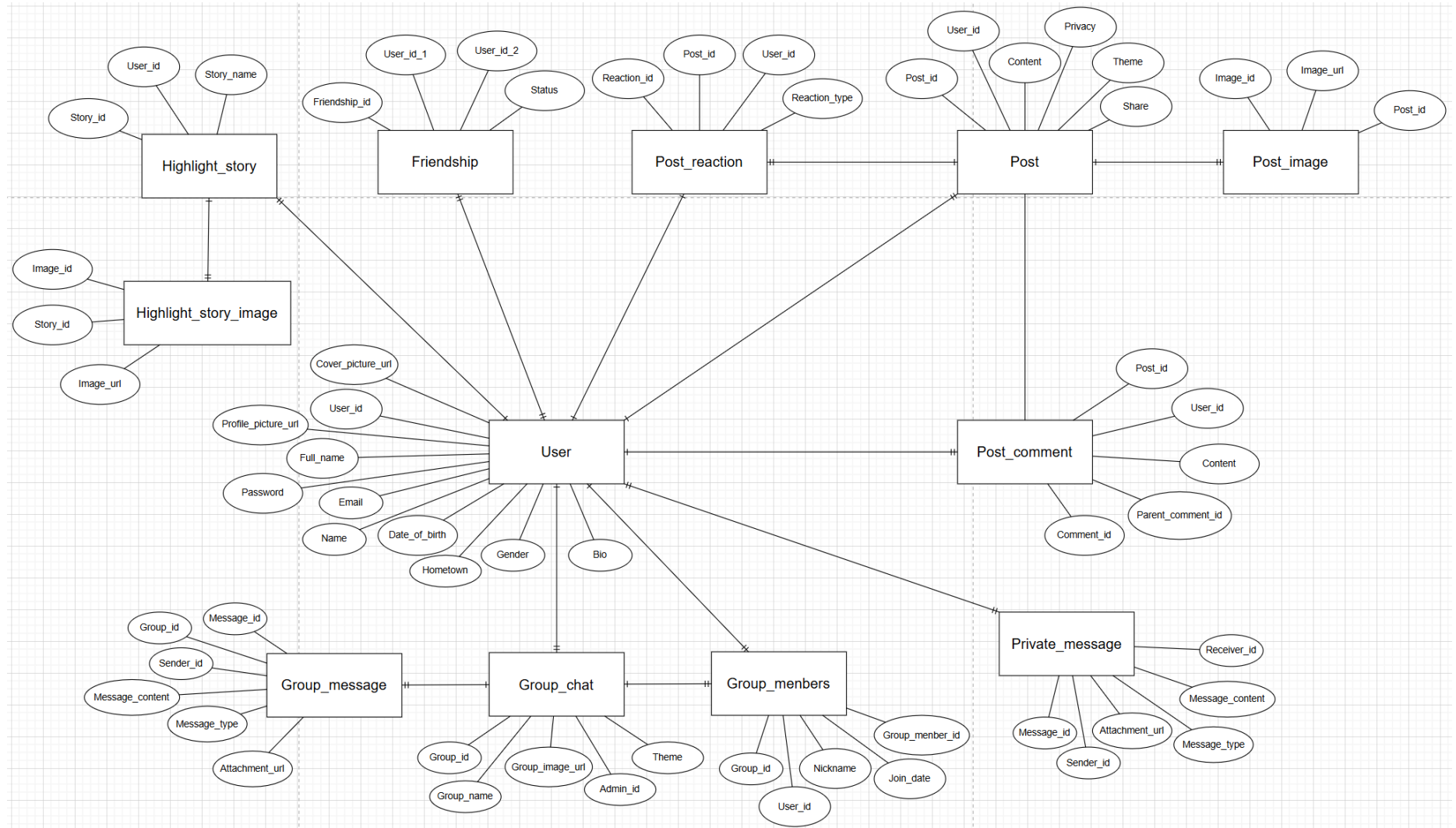
- Nhắn tin vào nhóm: Tạo nhóm, thêm thành viên và trao đổi trong nhóm chat.
- Xem tin nhắn nhóm: Theo dõi toàn bộ lịch sử trò chuyện trong nhóm, bao gồm các file được chia sẻ.
- Nhắn tin riêng tư: Gửi tin nhắn 1-1 với bạn bè trong danh sách.
- Xem tin nhắn riêng tư: Truy cập lịch sử tin nhắn với từng cá nhân, hỗ trợ tìm kiếm nội dung cũ.



## 4. Class Diagram

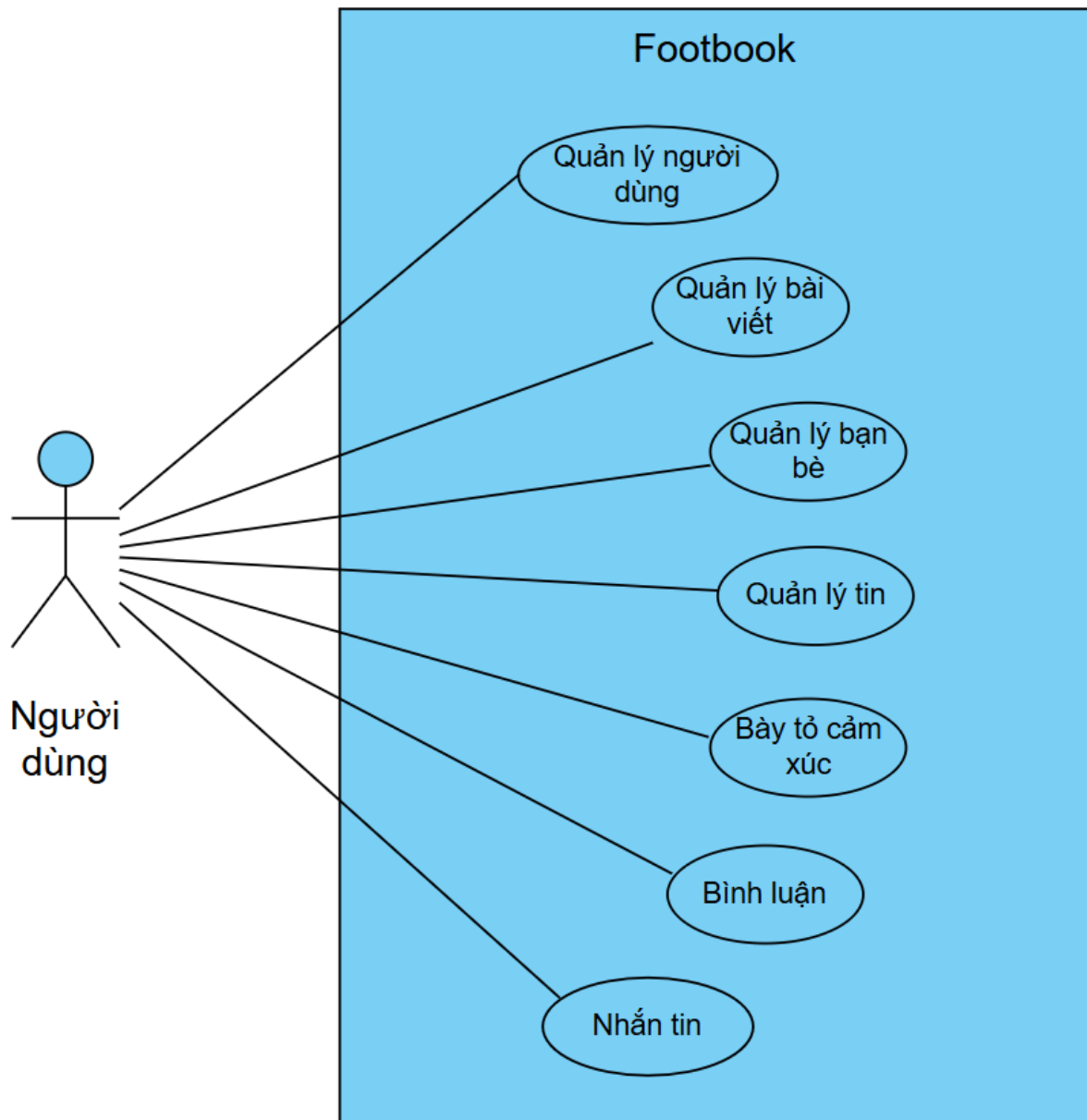


## 5. Sơ đồ ERD



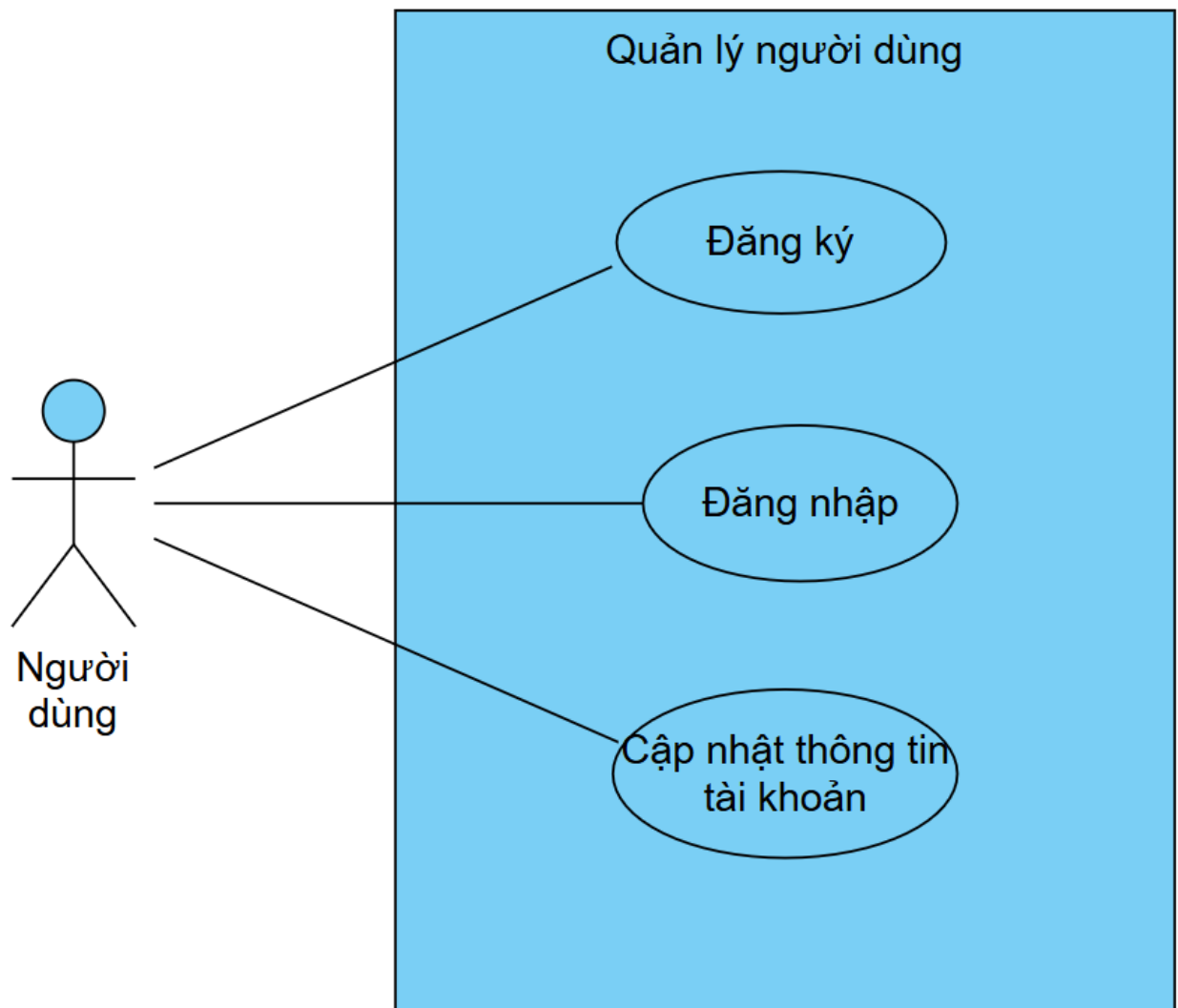
## 6. Use Case

### 6.1. Use Case tổng quát



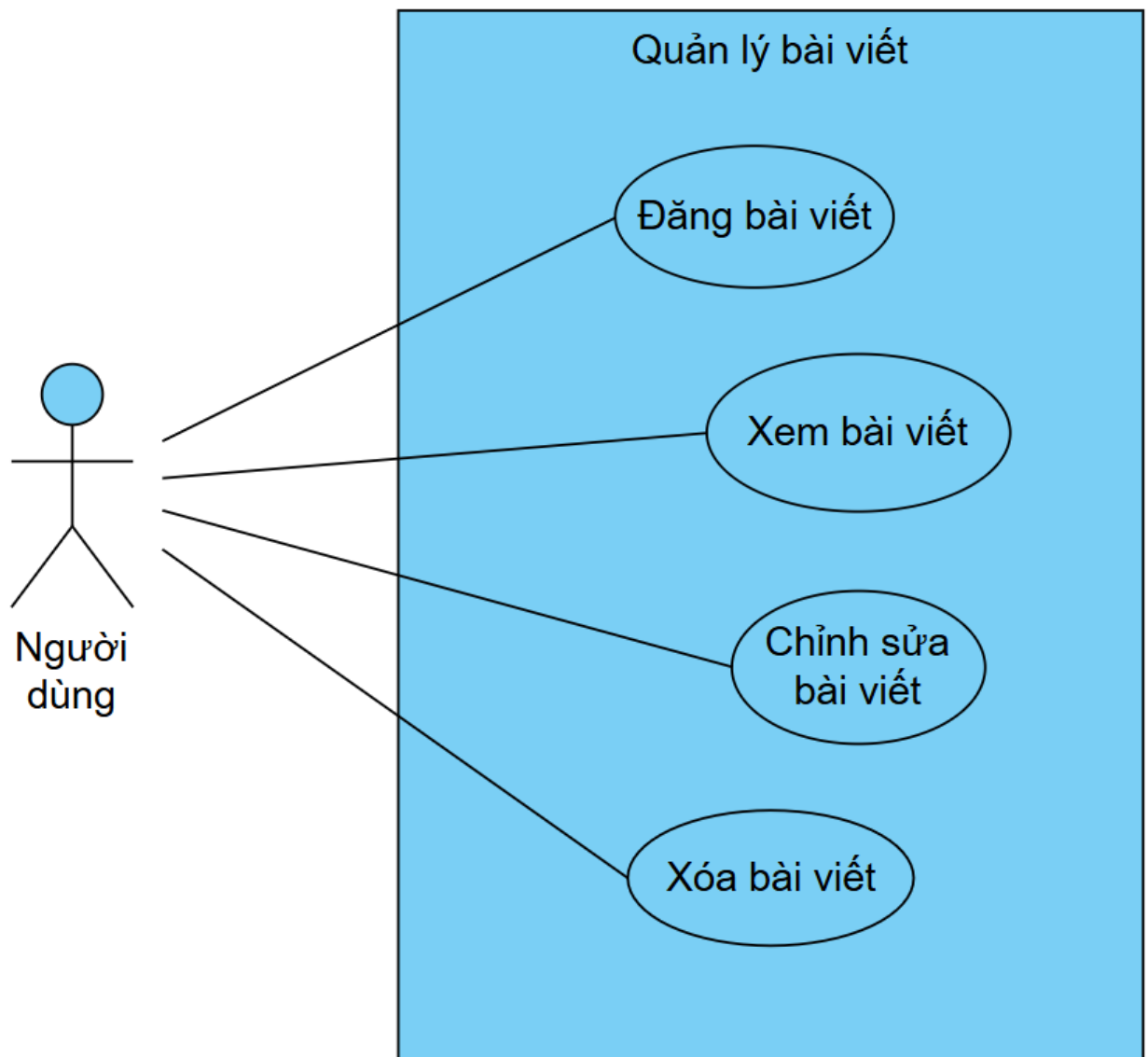
Hình 1: Biểu đồ use case tổng quan

### 6.2. Biểu đồ use case quản lý người dùng



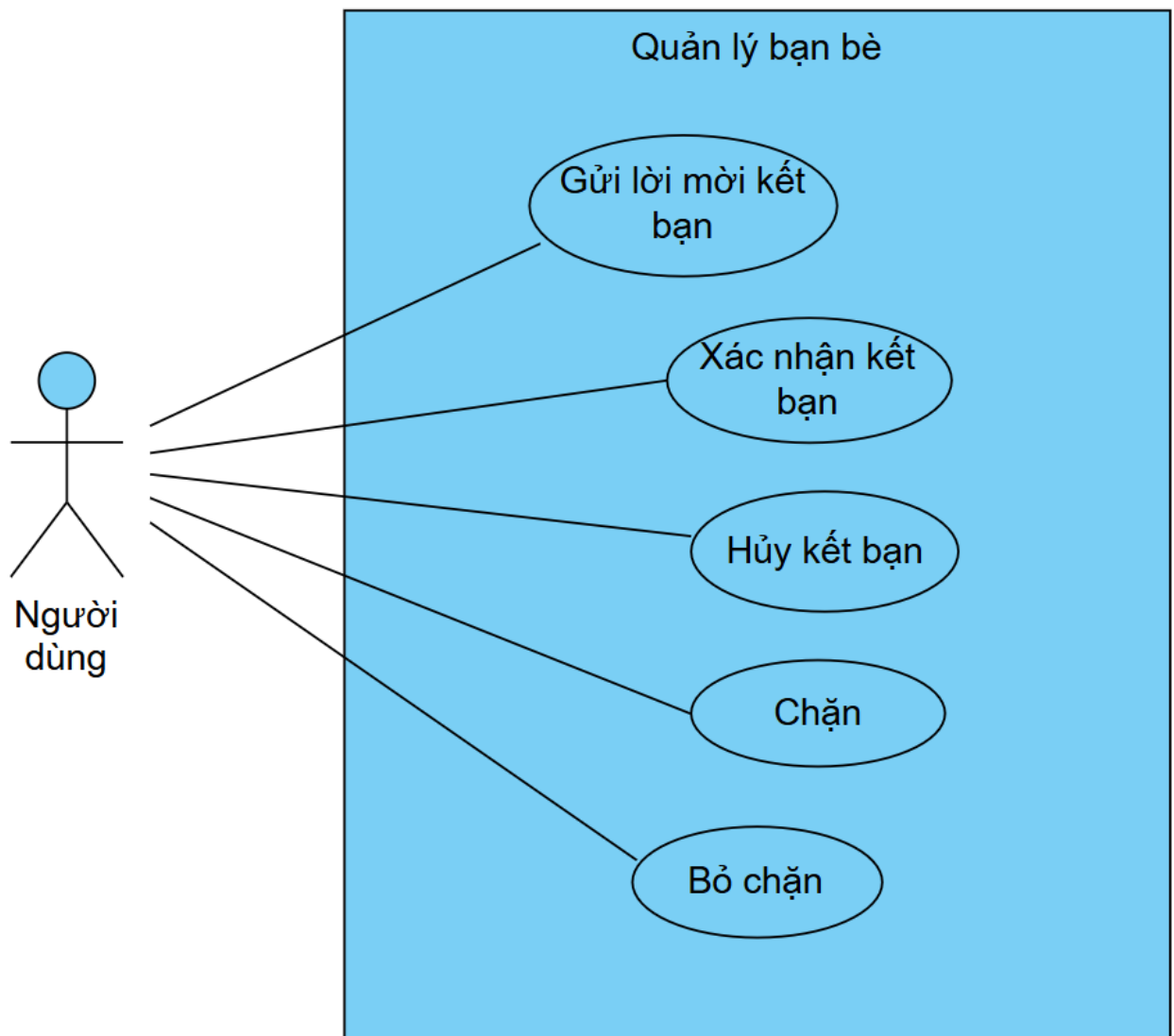
Hình 2: Biểu đồ use case quản lý người dùng

### 6.3. Biểu đồ use case quản lý bài viết



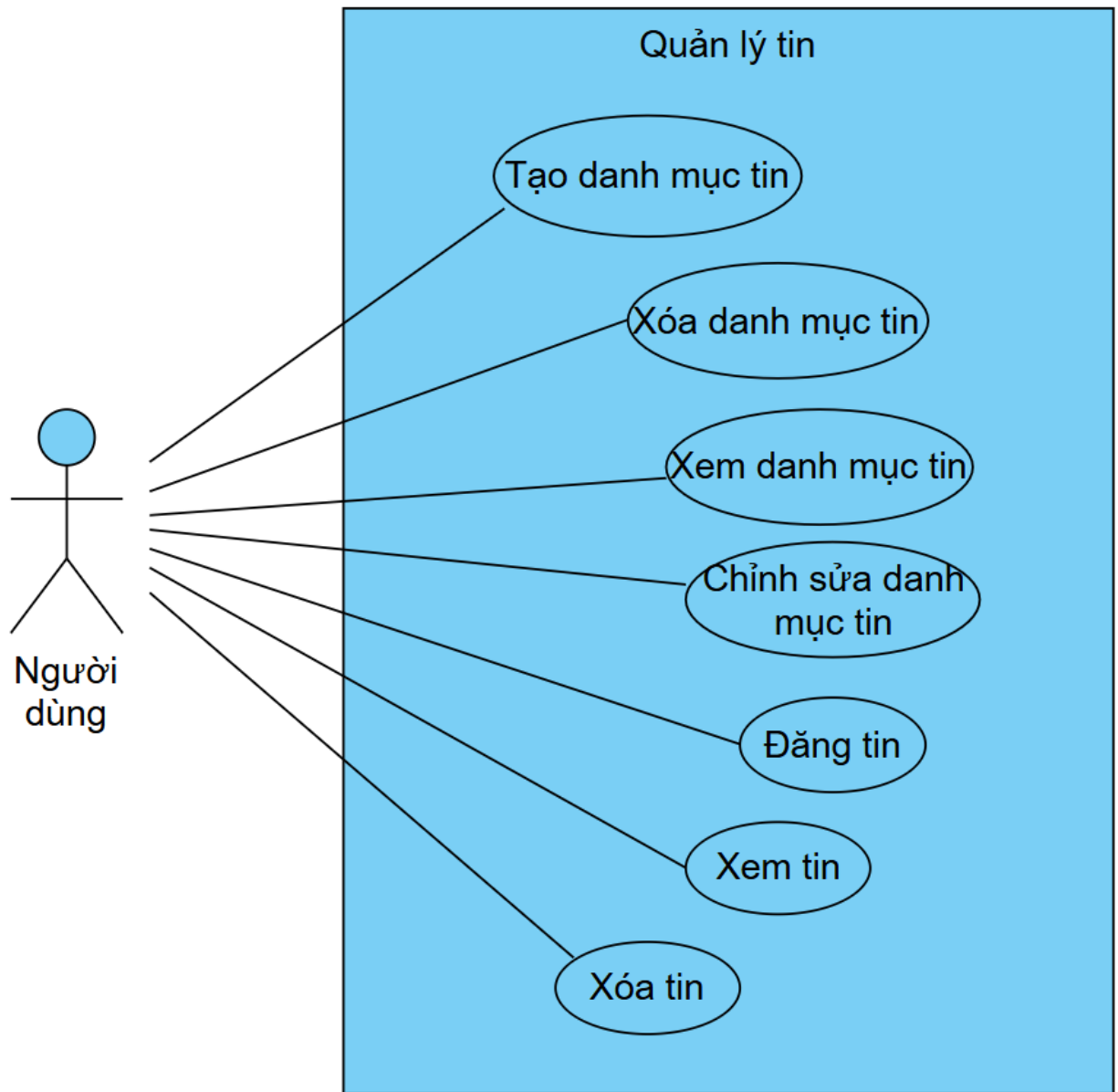
Hình 3: Biểu đồ use case quản lý bài viết

#### 6.4. Biểu đồ use case quản lý bạn bè



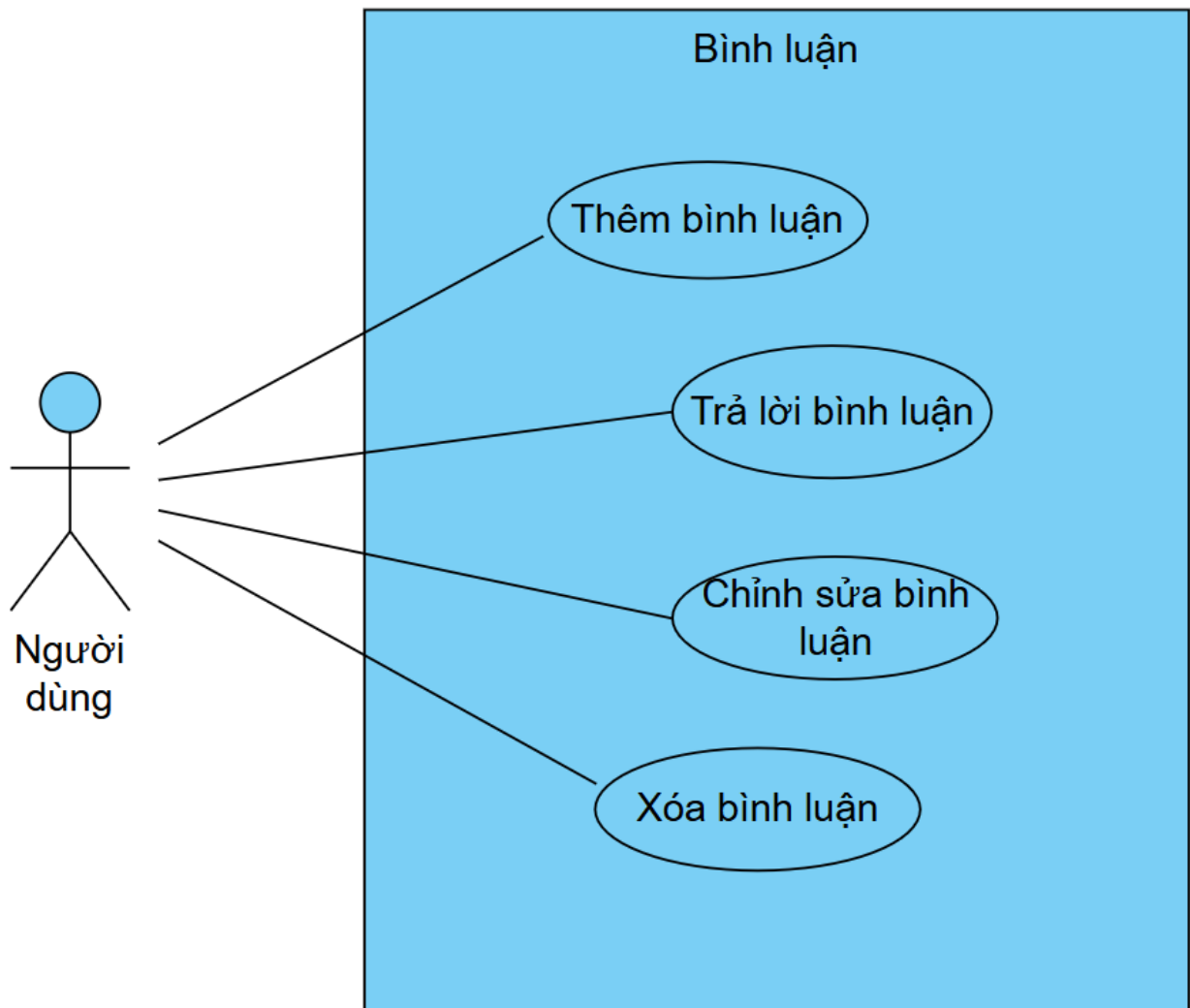
Hình 4: Biểu đồ use case quản lý bạn bè

### 6.5. Biểu đồ use case quản lý tin



Hình 5: Biểu đồ use case quản lý tin

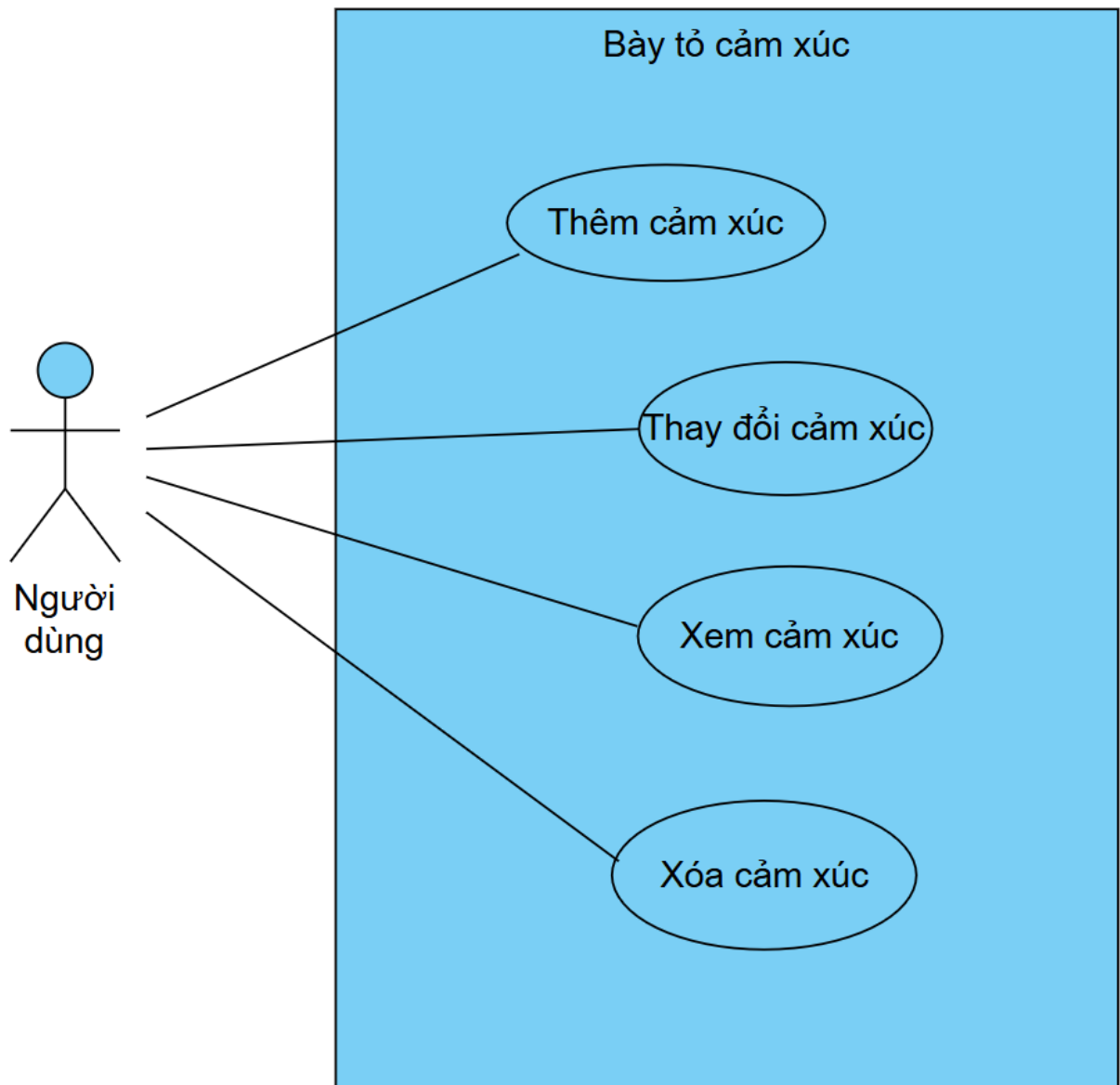
## 6.6. Biểu đồ use case bình luận



Hình 6: Biểu đồ use case bình luận

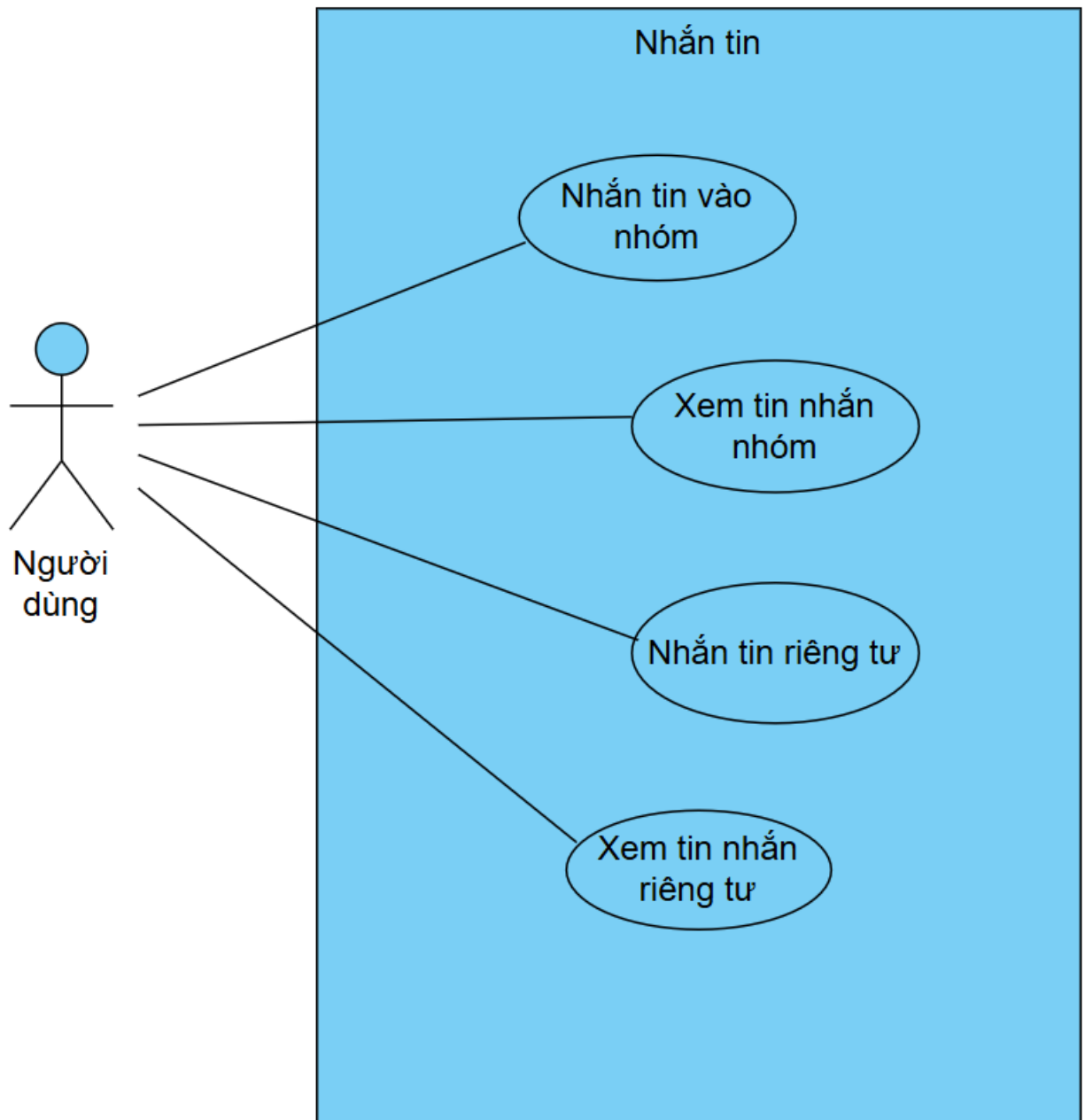


### 6.7. Biểu đồ use case bày tỏ cảm xúc



Hình 7: Biểu đồ use case bày tỏ cảm xúc

## 6.8. Biểu đồ use case nhắn tin



Hình 8: Biểu đồ use case nhắn tin

## 7. Đặc tả các Use Case

### 7.1. Đăng ký

<b>ID</b>	UC1.01
<b>Name</b>	Đăng ký.
<b>Brief description</b>	Người dùng tạo tài khoản mới trên hệ thống.
<b>Actors</b>	Người dùng.
<b>Pre-conditions</b>	Người dùng chưa có tài khoản.
<b>Basic flow</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Người dùng truy cập trang đăng ký.</li><li>2. Nhập thông tin cá nhân (tên, email, mật khẩu,...).</li><li>3. Nhấn nút đăng ký.</li><li>4. Hệ thống kiểm tra và lưu thông tin.</li><li>5. Thông báo đăng ký thành công.</li></ol>
<b>Alternative flow</b>	
<b>Result</b>	Người dùng tạo tài khoản thành công.
<b>Exceptions</b>	Thông tin không hợp lệ: Hiển thị lỗi chi tiết.

Bảng 1: Bảng đặc tả chức năng “Đăng ký”.

## 7.2. Đăng nhập

<b>ID</b>	UC1.02
<b>Name</b>	Đăng nhập.
<b>Brief description</b>	Người dùng đăng nhập vào hệ thống.
<b>Actors</b>	Người dùng.
<b>Pre-conditions</b>	Người dùng đã có tài khoản.
<b>Basic flow</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Nhập email và mật khẩu trên trang đăng nhập.</li><li>2. Hệ thống xác minh thông tin.</li><li>3. Truy cập thành công vào tài khoản.</li></ol>
<b>Alternative flow</b>	
<b>Result</b>	Người dùng đăng nhập được vào hệ thống.
<b>Exceptions</b>	

Bảng 2: Bảng đặc tả chức năng “Đăng nhập”.

### 7.3. Đăng xuất

<b>ID</b>	UC1.03
<b>Name</b>	Đăng xuất.
<b>Brief description</b>	Người dùng đăng xuất khỏi hệ thống.
<b>Actors</b>	Người dùng.
<b>Pre-conditions</b>	Người dùng đã đang đăng nhập.
<b>Basic flow</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Bấm nút đăng xuất.</li><li>2. Hệ thống kết thúc phiên làm việc.</li><li>3. Quay lại màn hình đăng nhập.</li></ol>
<b>Alternative flow</b>	
<b>Result</b>	Người dùng đăng xuất thành công.
<b>Exceptions</b>	

Bảng 3: Bảng đặc tả chức năng “Đăng xuất”.

#### 7.4. Cập nhật thông tin tài khoản

<b>ID</b>	UC1.04
<b>Name</b>	Cập nhật thông tin tài khoản.
<b>Brief description</b>	Người dùng cập nhật thông tin tài khoản.
<b>Actors</b>	Người dùng.
<b>Pre-conditions</b>	Người dùng đã đăng nhập.
<b>Basic flow</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Truy cập trang thông tin cá nhân.</li><li>2. Thực hiện thay đổi cần thiết (tên, email, ảnh đại diện, ...).</li><li>3. Nhấn nút lưu thay đổi.</li></ol>
<b>Alternative flow</b>	
<b>Result</b>	Hệ thống lưu và xác nhận thành công.
<b>Exceptions</b>	

Bảng 4: Bảng đặc tả chức năng “Cập nhật thông tin tài khoản”.

### 7.5. Đăng bài viết

<b>ID</b>	UC2.01
<b>Name</b>	Đăng bài viết.
<b>Brief description</b>	Người dùng tạo bài viết mới.
<b>Actors</b>	Người dùng.
<b>Pre-conditions</b>	Người dùng đăng nhập thành công.
<b>Basic flow</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Vào giao diện tạo bài viết.</li><li>2. Nhập nội dung bài viết và tải tệp đính kèm (nếu có).</li><li>3. Nhấn “Đăng bài”.</li><li>4. Hệ thống lưu và hiển thị bài viết.</li></ol>
<b>Alternative flow</b>	
<b>Result</b>	
<b>Exceptions</b>	

Bảng 5: Bảng đặc tả chức năng “Đăng bài viết”.

## 7.6. Xem bài viết

<b>ID</b>	UC2.02
<b>Name</b>	Xem bài viết.
<b>Brief description</b>	Người dùng xem lại bài viết trước đó.
<b>Actors</b>	Người dùng
<b>Pre-conditions</b>	Người dùng đăng nhập thành công.
<b>Basic flow</b>	1. Nhấn vào bài viết muốn xem. 2. Bài viết vừa nhấn được hiển thị.
<b>Alternative flow</b>	
<b>Result</b>	
<b>Exceptions</b>	

Bảng 6: Bảng đặc tả chức năng “Xem bài viết”.



### 7.7. Chỉnh sửa bài viết

<b>ID</b>	UC2.03
<b>Name</b>	Chỉnh sửa bài viết.
<b>Brief description</b>	Cập nhật nội dung bài viết.
<b>Actors</b>	Người dùng
<b>Pre-conditions</b>	Là chủ sở hữu của bài viết.
<b>Basic flow</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Truy cập vào bài viết cần chỉnh sửa.</li><li>2. Thực hiện thay đổi nội dung.</li><li>3. Nhấn “Cập nhật”.</li><li>4. Hệ thống lưu và cập nhật bài viết.</li></ol>
<b>Alternative flow</b>	
<b>Result</b>	
<b>Exceptions</b>	

Bảng 7: Bảng đặc tả chức năng “Chỉnh sửa bài viết”.

## 7.8. Xóa bài viết

<b>ID</b>	UC2.04
<b>Name</b>	Xóa bài viết.
<b>Brief description</b>	Loại bỏ bài viết khỏi hệ thống.
<b>Actors</b>	Người dùng
<b>Pre-conditions</b>	Đăng nhập và sở hữu bài viết.
<b>Basic flow</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Nhấn "Xóa" trên bài viết.</li><li>2. Xác nhận xóa trong hộp thoại.</li><li>3. Hệ thống xóa bài viết.</li></ol>
<b>Alternative flow</b>	
<b>Result</b>	
<b>Exceptions</b>	

Bảng 8: Bảng đặc tả chức năng “Xóa bài viết”.

### 7.9. Gửi lời mời kết bạn

<b>ID</b>	UC3.01
<b>Name</b>	Gửi lời mời kết bạn
<b>Brief description</b>	Người dùng gửi lời mời kết bạn cho người khác.
<b>Actors</b>	Người dùng.
<b>Pre-conditions</b>	Người dùng tồn tại trên hệ thống.
<b>Basic flow</b>	1. Tìm kiếm người dùng. 2. Nhấn "Kết bạn". 3. Hệ thống gửi lời mời.
<b>Alternative flow</b>	
<b>Result</b>	
<b>Exceptions</b>	

Bảng 9: Bảng đặc tả chức năng “Gửi lời mời kết bạn”.

### 7.10. Xác nhận hoặc từ chối lời mời kết bạn

<b>ID</b>	UC3.02
<b>Name</b>	Xác nhận hoặc từ chối lời mời kết bạn.
<b>Brief description</b>	Người dùng quản lý lời mời kết bạn.
<b>Actors</b>	Người dùng.
<b>Pre-conditions</b>	Lời mời kết bạn đang chờ xử lý.
<b>Basic flow</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Truy cập danh sách lời mời.</li><li>2. Nhấn "Chấp nhận" hoặc "Từ chối".</li><li>3. Hệ thống cập nhật trạng thái.</li></ol>
<b>Alternative flow</b>	
<b>Result</b>	
<b>Exceptions</b>	

Bảng 10: Bảng đặc tả chức năng “Xác nhận hoặc từ chối lời mời kết bạn”.

### 7.11. Chặn hoặc bỏ chặn người dùng

<b>ID</b>	UC3.03
<b>Name</b>	Chặn hoặc bỏ chặn người dùng.
<b>Brief description</b>	
<b>Actors</b>	Người dùng.
<b>Pre-conditions</b>	Người dùng đã đăng nhập.
<b>Basic flow</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Truy cập hồ sơ người cần chặn/bỏ chặn.</li><li>2. Nhấn "Chặn" hoặc "Bỏ chặn".</li><li>3. Hệ thống cập nhật trạng thái.</li></ol>
<b>Alternative flow</b>	
<b>Result</b>	
<b>Exceptions</b>	

Bảng 11: Bảng đặc tả chức năng “Chặn hoặc bỏ chặn người dùng”.

### 7.12. Tạo danh mục tin

<b>ID</b>	UC4.01
<b>Name</b>	Tạo danh mục tin.
<b>Brief description</b>	Người dùng tổ chức danh mục tin.
<b>Actors</b>	Người dùng.
<b>Pre-conditions</b>	Người dùng đã đăng nhập.
<b>Basic flow</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Nhập thông tin danh mục tin mới.</li><li>2. Nhấn "Tạo danh mục".</li><li>3. Hệ thống lưu và hiển thị.</li></ol>
<b>Alternative flow</b>	
<b>Result</b>	
<b>Exceptions</b>	

Bảng 12: Bảng đặc tả chức năng “Tạo danh mục tin”.

### 7.13. Xem danh mục tin

<b>ID</b>	UC4.02
<b>Name</b>	Xem danh mục tin.
<b>Brief description</b>	Người dùng xem danh sách các danh mục tin.
<b>Actors</b>	Người dùng.
<b>Pre-conditions</b>	Người dùng đã đăng nhập.
<b>Basic flow</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Người dùng truy cập trang danh mục tin.</li><li>2. Hệ thống hiển thị danh sách danh mục tin kèm mô tả.</li><li>3. Người dùng chọn danh mục để xem chi tiết.</li></ol>
<b>Alternative flow</b>	
<b>Result</b>	
<b>Exceptions</b>	Không có danh mục tin: Hiển thị thông báo phù hợp.

Bảng 13: Bảng đặc tả chức năng “Xem danh mục tin”.

#### 7.14. Chỉnh sửa danh mục tin

<b>ID</b>	UC4.03
<b>Name</b>	Chỉnh sửa danh mục tin.
<b>Brief description</b>	Người dùng thay đổi thông tin danh mục tin.
<b>Actors</b>	Người dùng.
<b>Pre-conditions</b>	Người dùng đã đăng nhập.
<b>Basic flow</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Người dùng chọn danh mục tin cần chỉnh sửa.</li><li>2. Cập nhật thông tin như tên hoặc mô tả danh mục.</li><li>3. Nhấn nút "Lưu".</li><li>4. Hệ thống lưu và hiển thị thông tin cập nhật.</li></ol>
<b>Alternative flow</b>	
<b>Result</b>	
<b>Exceptions</b>	Thông tin không hợp lệ: Hiển thị thông báo lỗi.

Bảng 14: Bảng đặc tả chức năng “Chỉnh sửa danh mục tin”.



### 7.15. Xóa danh mục tin

<b>ID</b>	UC4.04
<b>Name</b>	Xóa danh mục tin.
<b>Brief description</b>	Người dùng xóa một danh mục tin khỏi hệ thống.
<b>Actors</b>	Người dùng.
<b>Pre-conditions</b>	Người dùng đã đăng nhập.
<b>Basic flow</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Người dùng chọn danh mục tin cần xóa.</li><li>2. Nhấn nút "Xóa".</li><li>3. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận.</li><li>4. Người dùng xác nhận xóa.</li><li>5. Hệ thống xóa danh mục và cập nhật danh sách.</li></ol>
<b>Alternative flow</b>	
<b>Result</b>	
<b>Exceptions</b>	Xóa thất bại: Hiển thị thông báo lỗi.

Bảng 15: Bảng đặc tả chức năng “Xóa danh mục tin”.

### 7.16. Đăng tin

<b>ID</b>	UC4.05
<b>Name</b>	Đăng tin.
<b>Brief description</b>	Người dùng thêm một tin mới.
<b>Actors</b>	Người dùng.
<b>Pre-conditions</b>	Người dùng đã đăng nhập.
<b>Basic flow</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Truy cập danh mục tin.</li><li>2. Nhập nội dung và nhấn "Đăng tin".</li><li>3. Hệ thống lưu và hiển thị tin.</li></ol>
<b>Alternative flow</b>	
<b>Result</b>	
<b>Exceptions</b>	Nội dung không hợp lệ: Hiển thị thông báo lỗi.

Bảng 16: Bảng đặc tả chức năng “Đăng tin”.

### 7.17. Xem tin

<b>ID</b>	UC4.05
<b>Name</b>	Xem tin.
<b>Brief description</b>	Người dùng xem nội dung chi tiết của một tin.
<b>Actors</b>	Người dùng.
<b>Pre-conditions</b>	Người dùng đã đăng nhập.
<b>Basic flow</b>	1. Người dùng chọn một tin từ danh mục. 2. Hệ thống hiển thị nội dung chi tiết của tin.
<b>Alternative flow</b>	
<b>Result</b>	
<b>Exceptions</b>	Tin không tồn tại: Hiển thị thông báo lỗi.

Bảng 17: Bảng đặc tả chức năng “Xem tin”

### 7.18. Xóa tin

<b>ID</b>	UC4.07
<b>Name</b>	Xóa tin.
<b>Brief description</b>	Người dùng loại bỏ tin cũ.
<b>Actors</b>	Người dùng.
<b>Pre-conditions</b>	Người dùng đã đăng nhập.
<b>Basic flow</b>	1. Nhấn "Xóa tin". 2. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận. 3. Người dùng xác nhận.
<b>Alternative flow</b>	
<b>Result</b>	
<b>Exceptions</b>	Xóa thất bại: Hiển thị thông báo lỗi.

Bảng 18: Bảng đặc tả chức năng “Xóa tin”.

### 7.19. Thêm bình luận

<b>ID</b>	UC5.01
<b>Name</b>	Thêm bình luận.
<b>Brief description</b>	Người dùng thêm bình luận vào bài viết hoặc tin.
<b>Actors</b>	Người dùng.
<b>Pre-conditions</b>	Người dùng đã đăng nhập.
<b>Basic flow</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Người dùng nhập nội dung bình luận.</li><li>2. Nhấn nút "Đăng bình luận".</li><li>3. Hệ thống lưu bình luận và hiển thị trên giao diện.</li></ol>
<b>Alternative flow</b>	
<b>Result</b>	
<b>Exceptions</b>	Nội dung không hợp lệ: Hiển thị thông báo lỗi

Bảng 19: Bảng đặc tả chức năng “Thêm bình luận”.

### 7.20. Trả lời bình luận

<b>ID</b>	UC5.02
<b>Name</b>	Trả lời bình luận.
<b>Brief description</b>	Người dùng trả lời một bình luận hiện có.
<b>Actors</b>	Người dùng.
<b>Pre-conditions</b>	Người dùng đã đăng nhập.
<b>Basic flow</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Người dùng chọn bình luận cần trả lời.</li><li>2. Nhập nội dung trả lời.</li><li>3. Nhấn nút "Trả lời".</li><li>4. Hệ thống lưu và hiển thị câu trả lời.</li></ol>
<b>Alternative flow</b>	
<b>Result</b>	
<b>Exceptions</b>	Nội dung không hợp lệ: Hiển thị thông báo lỗi

Bảng 20: Bảng đặc tả chức năng “Trả lời bình luận”.

### 7.21. Chỉnh sửa bình luận

<b>ID</b>	UC5.03
<b>Name</b>	Chỉnh sửa bình luận.
<b>Brief description</b>	Người dùng thay đổi nội dung bình luận.
<b>Actors</b>	Người dùng.
<b>Pre-conditions</b>	Người dùng đã đăng nhập.
<b>Basic flow</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Người dùng chọn bình luận cần chỉnh sửa.</li><li>2. Cập nhật nội dung mới.</li><li>3. Nhấn nút "Lưu".</li><li>4. Hệ thống lưu và hiển thị nội dung cập nhật.</li></ol>
<b>Alternative flow</b>	
<b>Result</b>	
<b>Exceptions</b>	Nội dung không hợp lệ: Hiển thị thông báo lỗi

Bảng 21: Bảng đặc tả chức năng “Chỉnh sửa bình luận”.

## 7.22. Xóa bình luận

<b>ID</b>	UC5.04
<b>Name</b>	Xóa bình luận.
<b>Brief description</b>	Người dùng xóa một bình luận khỏi bài viết hoặc tin.
<b>Actors</b>	Người dùng.
<b>Pre-conditions</b>	Người dùng đã đăng nhập.
<b>Basic flow</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Người dùng chọn bình luận cần xóa.</li><li>2. Nhấn nút "Xóa".</li><li>3. Hệ thống hiển thị thông báo xác nhận.</li><li>4. Người dùng xác nhận xóa.</li><li>5. Hệ thống xóa bình luận.</li></ol>
<b>Alternative flow</b>	
<b>Result</b>	
<b>Exceptions</b>	Xóa thất bại: Hiển thị thông báo lỗi.

Bảng 22: Bảng đặc tả chức năng “Xóa bình luận”.



### 7.23. Thêm cảm xúc

<b>ID</b>	UC6.01
<b>Name</b>	Thêm cảm xúc.
<b>Brief description</b>	Người dùng bày tỏ cảm xúc với bài viết hoặc bình luận.
<b>Actors</b>	Người dùng.
<b>Pre-conditions</b>	Người dùng đã đăng nhập.
<b>Basic flow</b>	1. Người dùng chọn biểu tượng cảm xúc. 2. Hệ thống lưu và hiển thị cảm xúc.
<b>Alternative flow</b>	
<b>Result</b>	
<b>Exceptions</b>	Hành động thất bại: Hiển thị thông báo lỗi.

Bảng 23: Bảng đặc tả chức năng “Thêm cảm xúc”.

## 7.24. Thay đổi cảm xúc

<b>ID</b>	UC6.02
<b>Name</b>	Thay đổi cảm xúc.
<b>Brief description</b>	Người dùng thay đổi cảm xúc đã bày tỏ.
<b>Actors</b>	Người dùng.
<b>Pre-conditions</b>	Người dùng đã đăng nhập.
<b>Basic flow</b>	1. Người dùng chọn cảm xúc mới. 2. Hệ thống cập nhật cảm xúc
<b>Alternative flow</b>	
<b>Result</b>	
<b>Exceptions</b>	Hành động thất bại: Hiển thị thông báo lỗi.

Bảng 24: Bảng đặc tả chức năng “Thay đổi cảm xúc”.

### 7.25. Xem cảm xúc

<b>ID</b>	UC6.03
<b>Name</b>	Xem cảm xúc.
<b>Brief description</b>	Người dùng xem danh sách cảm xúc trên bài viết hoặc bình luận.
<b>Actors</b>	Người dùng.
<b>Pre-conditions</b>	Người dùng đã đăng nhập.
<b>Basic flow</b>	1. Người dùng chọn biểu tượng cảm xúc. 2. Hệ thống hiển thị danh sách cảm xúc.
<b>Alternative flow</b>	
<b>Result</b>	
<b>Exceptions</b>	

Bảng 25: Bảng đặc tả chức năng “Xem cảm xúc”.

## 7.26. Xóa cảm xúc

<b>ID</b>	UC6.04
<b>Name</b>	Xóa cảm xúc.
<b>Brief description</b>	Người dùng gỡ bỏ cảm xúc đã bày tỏ.
<b>Actors</b>	Người dùng.
<b>Pre-conditions</b>	Người dùng đã đăng nhập.
<b>Basic flow</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Người dùng chọn lại biểu tượng cảm xúc đã bày.</li><li>2. Hệ thống xóa cảm xúc và cập nhật giao diện.</li></ol>
<b>Alternative flow</b>	
<b>Result</b>	
<b>Exceptions</b>	Hành động thất bại: Hiển thị thông báo lỗi.

Bảng 26: Bảng đặc tả chức năng “Xóa cảm xúc”.

### 7.27. Nhắn tin vào nhóm

<b>ID</b>	UC7.01
<b>Name</b>	Nhắn tin vào nhóm.
<b>Brief description</b>	Người dùng gửi tin nhắn trong nhóm chat.
<b>Actors</b>	Người dùng.
<b>Pre-conditions</b>	Người dùng đã đăng nhập.
<b>Basic flow</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Người dùng nhập nội dung tin nhắn.</li><li>2. Nhấn nút "Gửi".</li><li>3. Hệ thống lưu và hiển thị tin nhắn trong nhóm.</li></ol>
<b>Alternative flow</b>	
<b>Result</b>	
<b>Exceptions</b>	

Bảng 27: Bảng đặc tả chức năng “Nhắn tin vào nhóm”.

### 7.28. Xem tin nhắn nhóm

<b>ID</b>	UC7.02
<b>Name</b>	Xem tin nhắn nhóm.
<b>Brief description</b>	Người dùng theo dõi lịch sử trò chuyện trong nhóm.
<b>Actors</b>	Người dùng.
<b>Pre-conditions</b>	Người dùng đã đăng nhập và tham gia nhóm.
<b>Basic flow</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Người dùng truy cập giao diện nhóm chat.</li><li>2. Hệ thống hiển thị danh sách tin nhắn mới nhất.</li><li>3. Người dùng cuộn lên để xem các tin nhắn cũ.</li></ol>
<b>Alternative flow</b>	
<b>Result</b>	
<b>Exceptions</b>	Không có tin nhắn nào trong nhóm: Hiển thị thông báo "Chưa có tin nhắn trong nhóm".

Bảng 28: Bảng đặc tả chức năng “Xem tin nhắn nhóm”.

### 7.29. Nhắn tin riêng tư

<b>ID</b>	UC7.03
<b>Name</b>	Nhắn tin riêng tư.
<b>Brief description</b>	Người dùng gửi tin nhắn cá nhân đến một người dùng khác
<b>Actors</b>	Người dùng.
<b>Pre-conditions</b>	Người dùng đã đăng nhập và là bạn bè với người nhận.
<b>Basic flow</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Người dùng mở giao diện chat cá nhân.</li><li>2. Nhập nội dung tin nhắn.</li><li>3. Nhấn nút "Gửi".</li><li>4. Hệ thống lưu và hiển thị tin nhắn trong cửa sổ chat.</li></ol>
<b>Alternative flow</b>	
<b>Result</b>	
<b>Exceptions</b>	Tin nhắn không thể gửi đi: Hiển thị thông báo lỗi và lý do.

Bảng 29: Bảng đặc tả chức năng “Nhắn tin riêng tư”.

### 7.30. Xem tin nhắn riêng tư

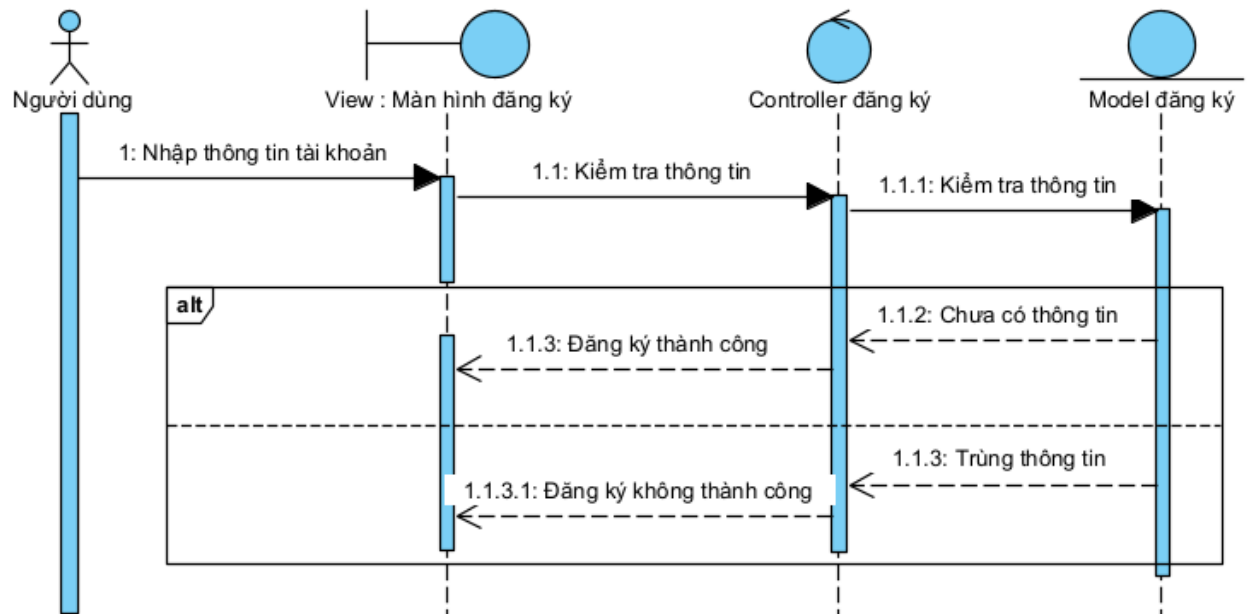
<b>ID</b>	UC7.04
<b>Name</b>	Xem tin nhắn riêng tư.
<b>Brief description</b>	Người dùng xem lịch sử tin nhắn với một người dùng khác.
<b>Actors</b>	Người dùng.
<b>Pre-conditions</b>	Người dùng đã đăng nhập và là bạn bè với người nhận.
<b>Basic flow</b>	<ol style="list-style-type: none"><li>1. Người dùng mở giao diện chat cá nhân.</li><li>2. Hệ thống hiển thị danh sách tin nhắn mới nhất.</li><li>3. Người dùng cuộn lên để xem các tin nhắn cũ.</li></ol>
<b>Alternative flow</b>	
<b>Result</b>	
<b>Exceptions</b>	Không có tin nhắn: Hiển thị thông báo "Chưa có tin nhắn nào".

Bảng 30: Bảng đặc tả chức năng “Xem tin nhắn riêng tư”.



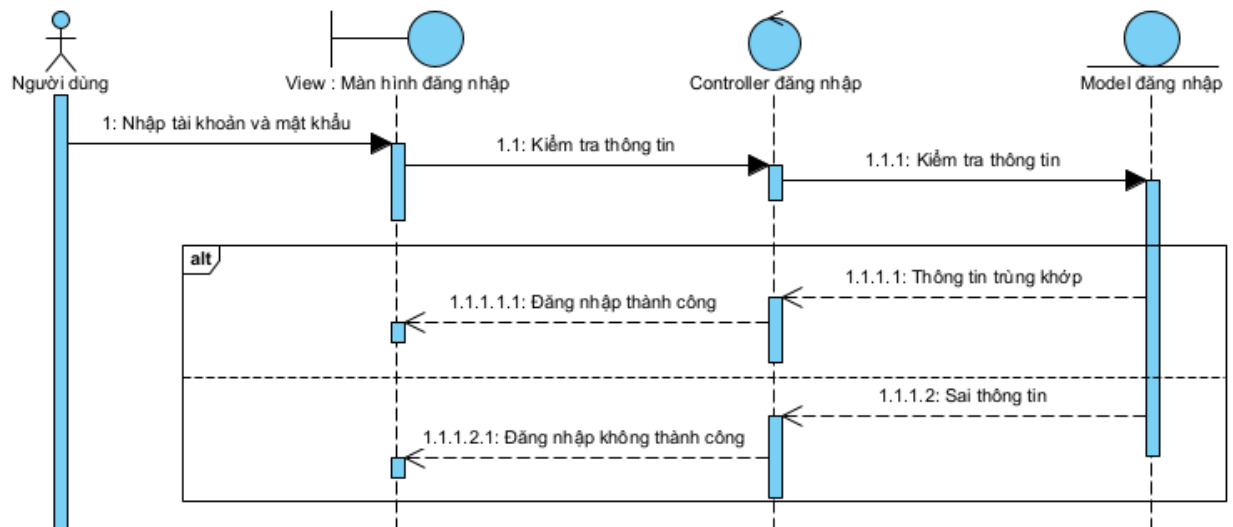
## 8. Sequence

### 8.1. Đăng ký



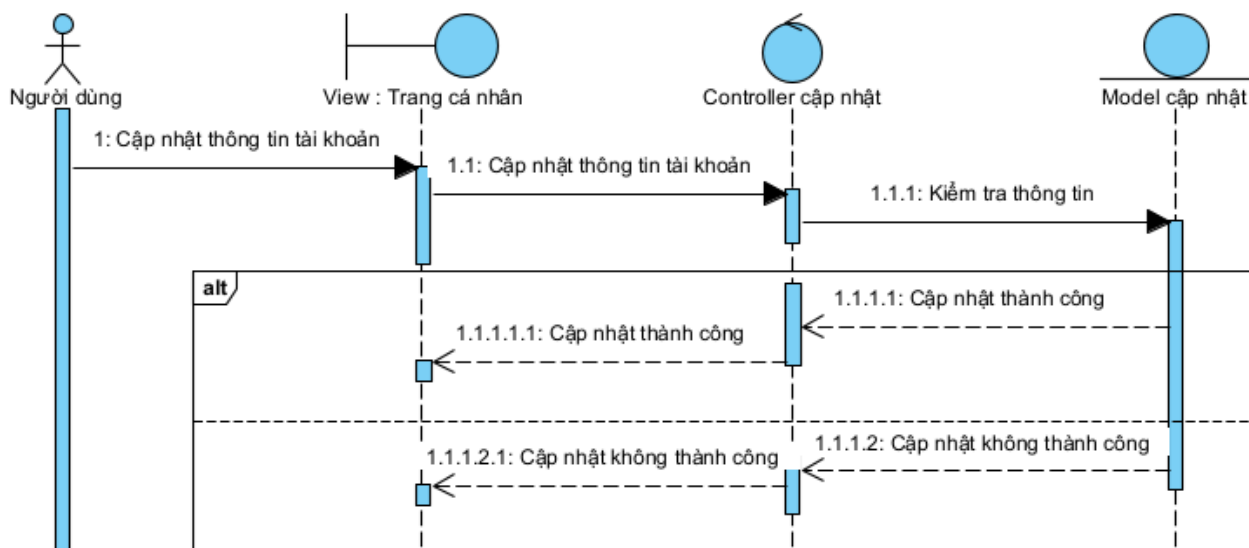
Hình 9: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Đăng ký”.

### 8.2. Đăng nhập



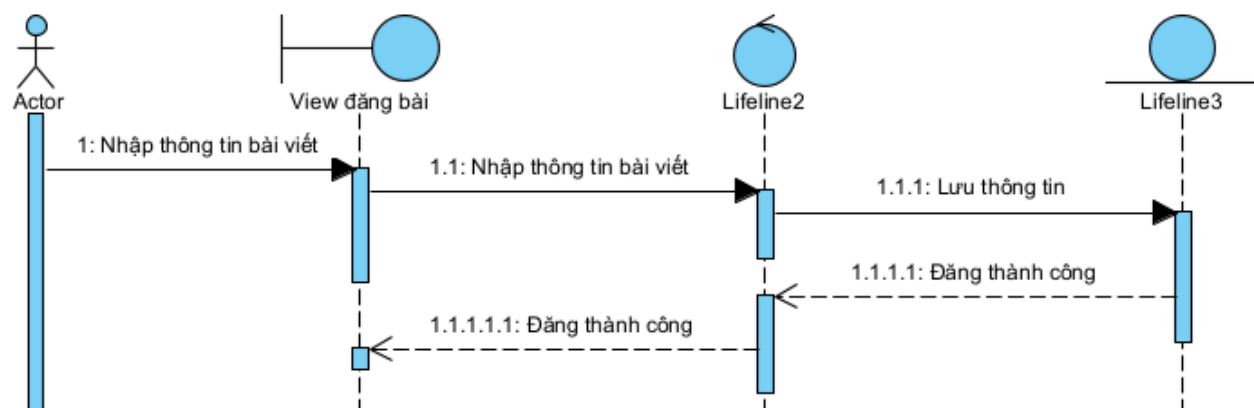
Hình 10: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Đăng nhập”.

### 8.3. Cập nhật thông tin tài khoản



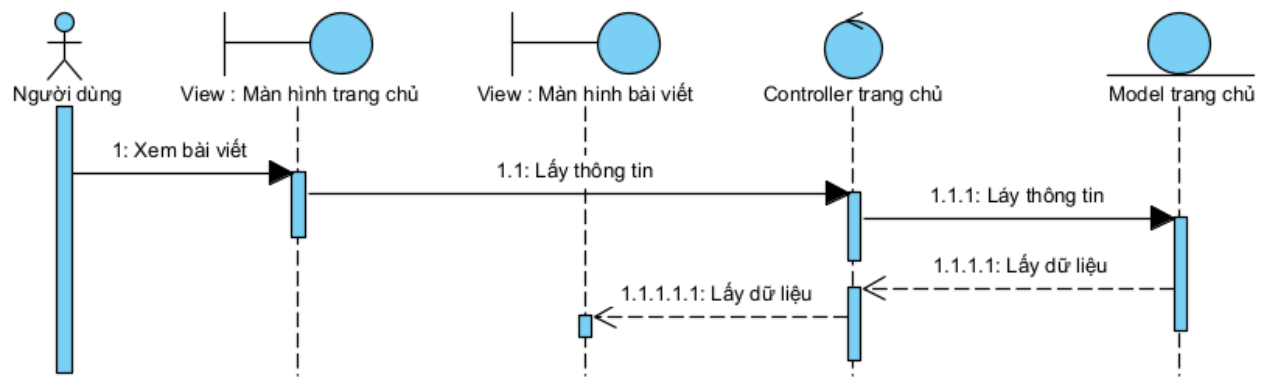
Hình 11: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Cập nhật thông tin tài khoản”.

### 8.4. Đăng bài viết



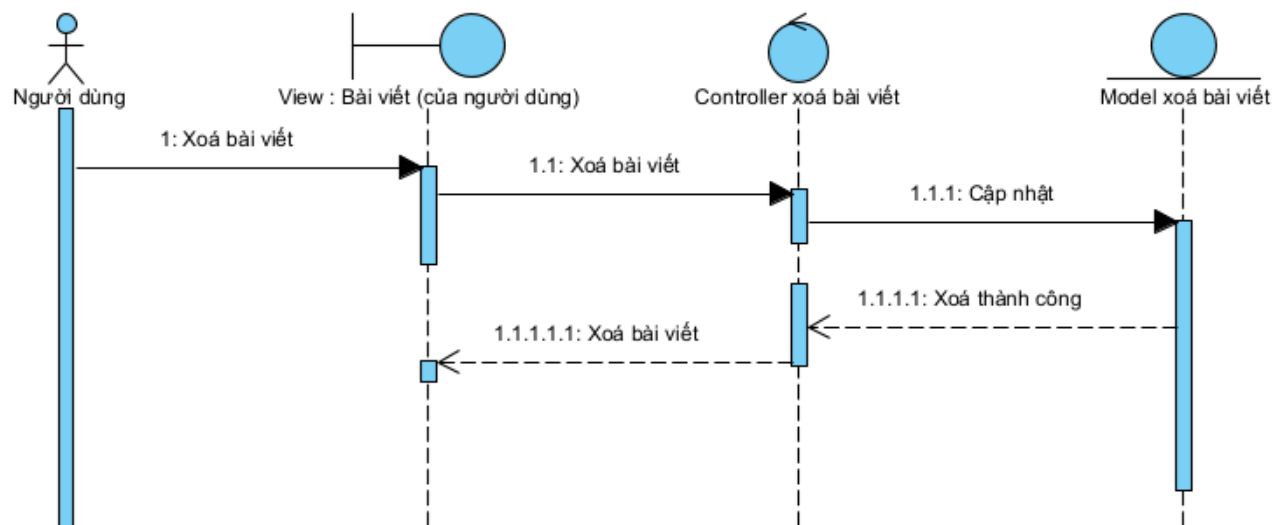
Hình 12: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Đăng bài viết”.

## 8.5. Xem bài viết



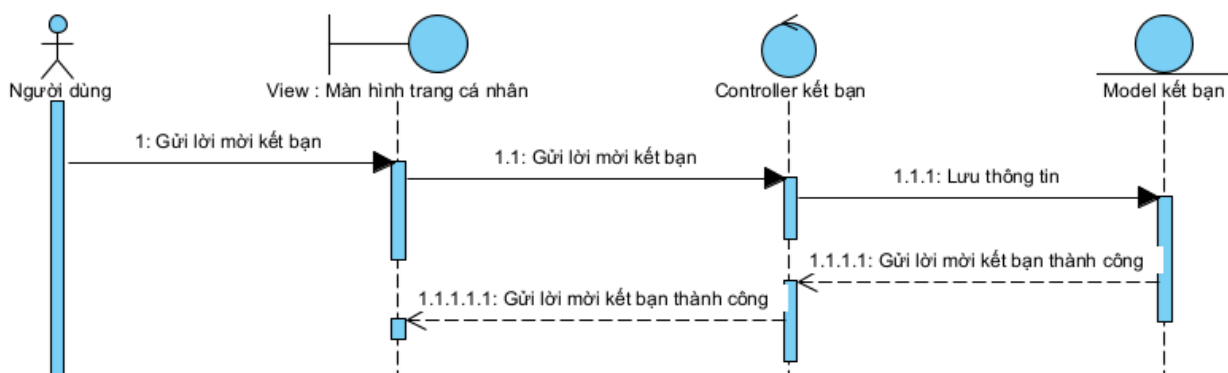
Hình 13: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Xem bài viết”.

## 8.6. Xóa bài viết



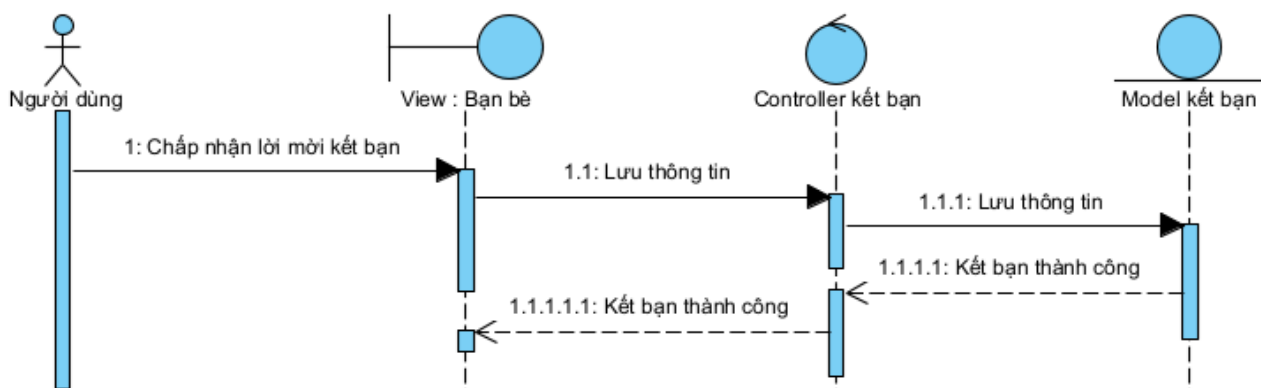
Hình 14: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Xóa bài viết”.

## 8.7. Gửi lời mời kết bạn



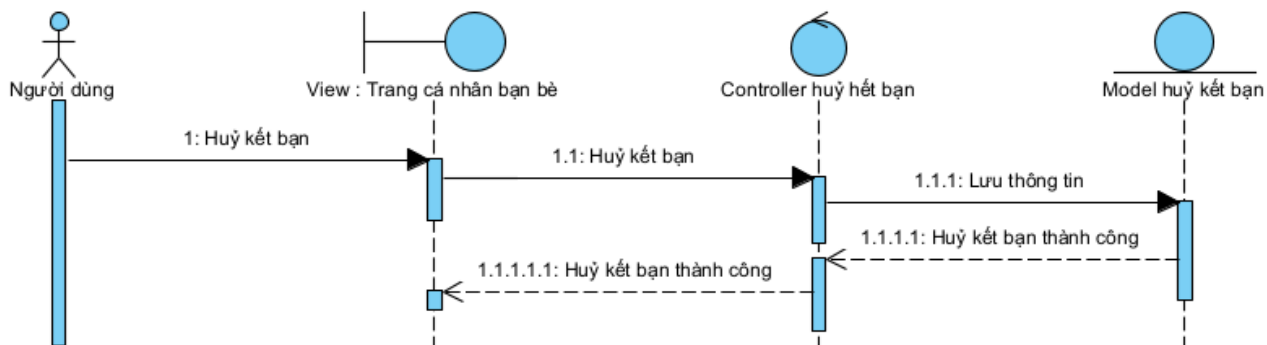
Hình 15: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Gửi lời mời kết bạn”.

## 8.8. Chấp nhận lời mời kết bạn



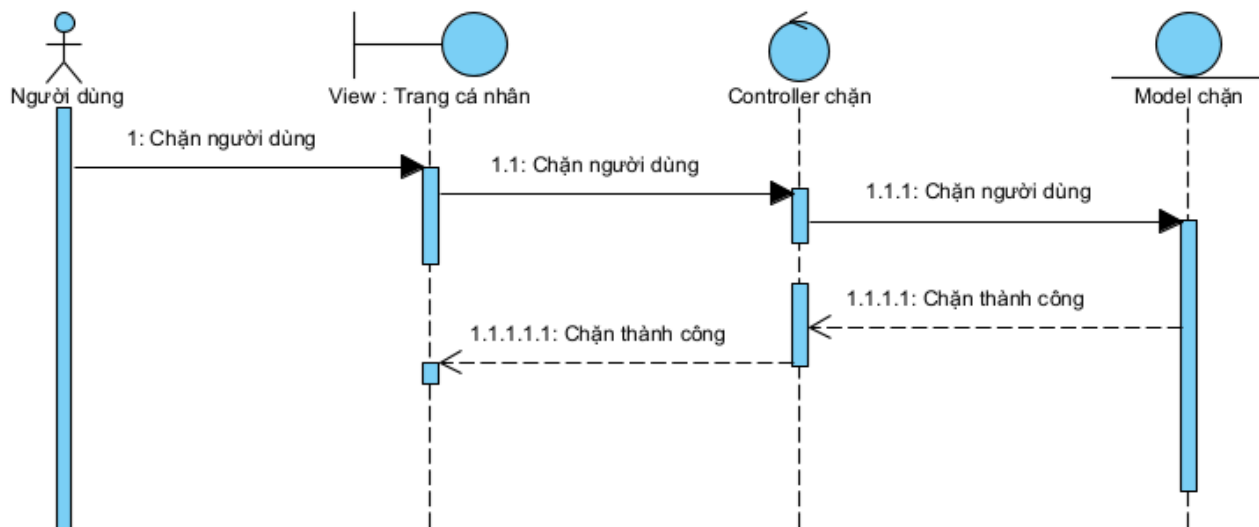
Hình 16: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Chấp nhận lời mời kết bạn”.

## 8.9. Hủy kết bạn



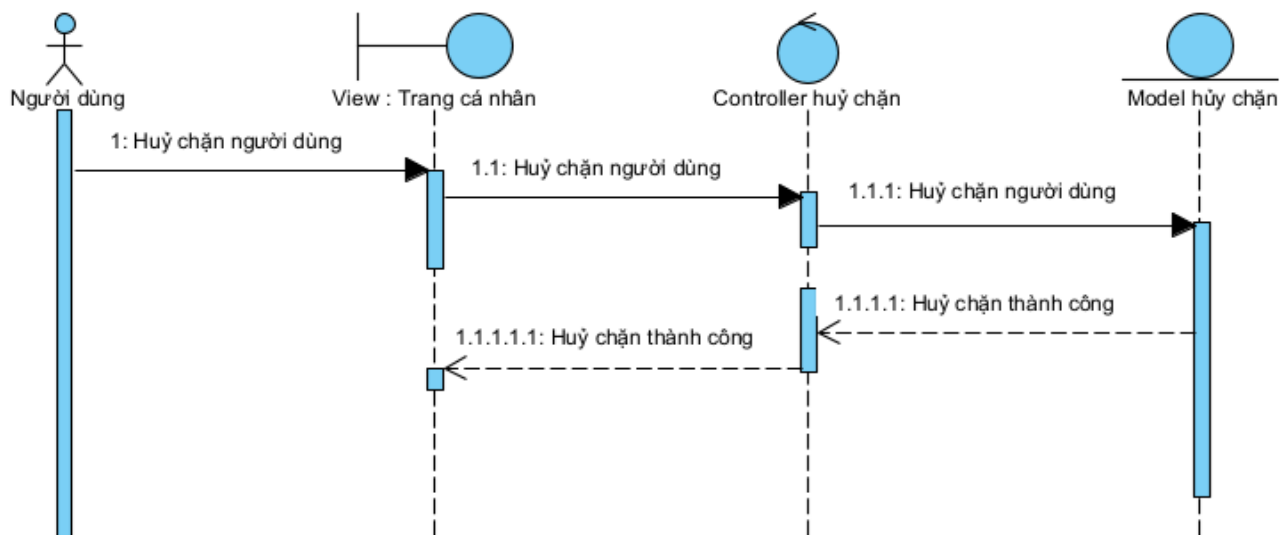
Hình 16: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Hủy kết bạn”.

### 8.10. Chặn người dùng



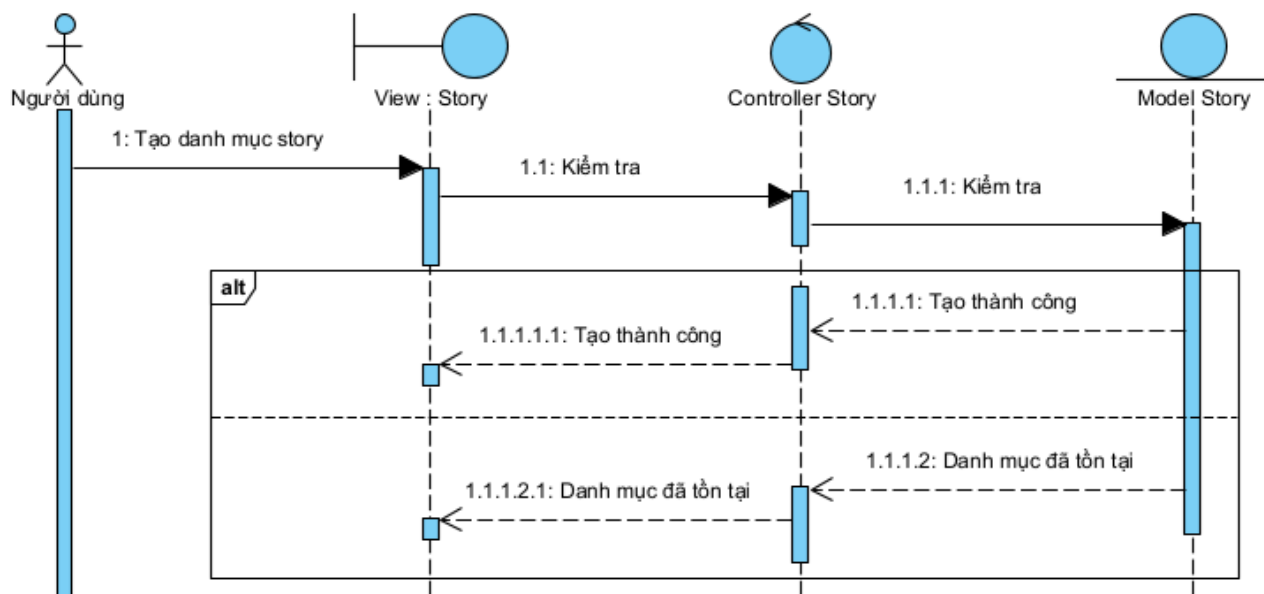
Hình 17: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Chặn người dùng”.

### 8.11. Bỏ chặn người dùng



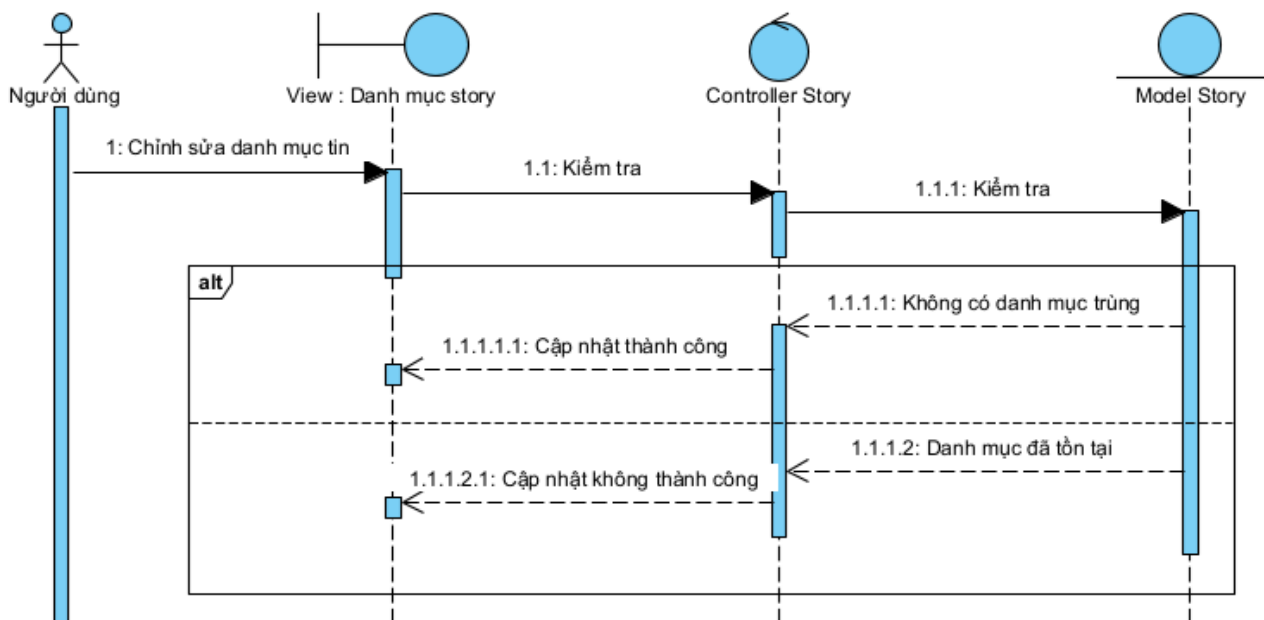
Hình 18: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Bỏ chặn người dùng”.

## 8.12. Tạo danh mục tin



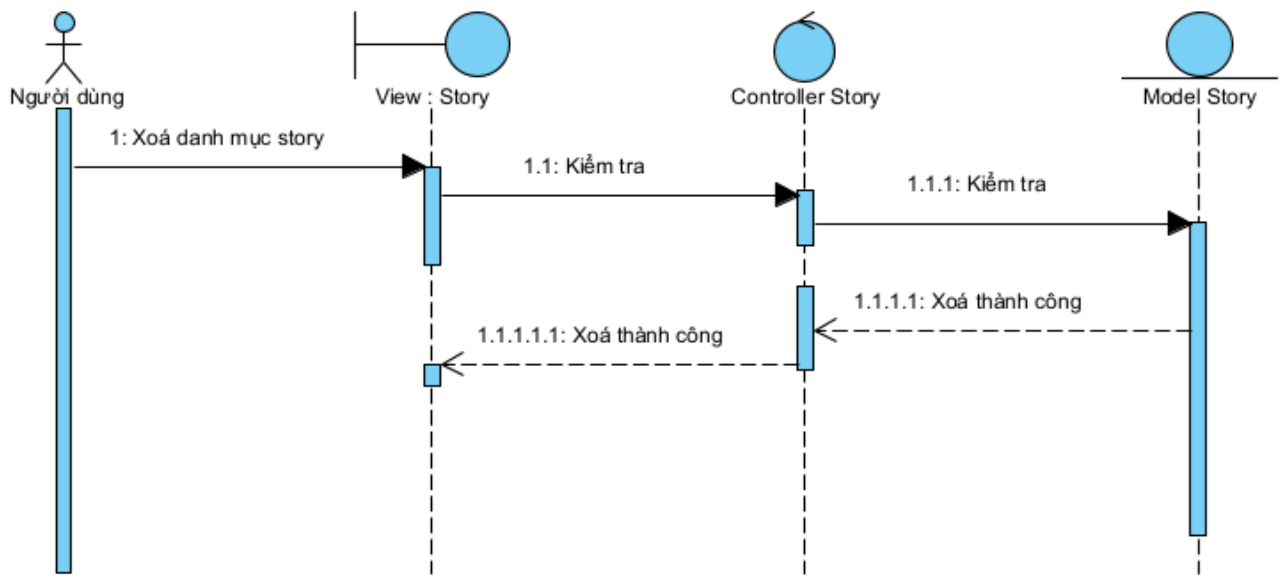
Hình 19: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Tạo danh mục tin”.

## 8.13. Chỉnh sửa danh mục tin



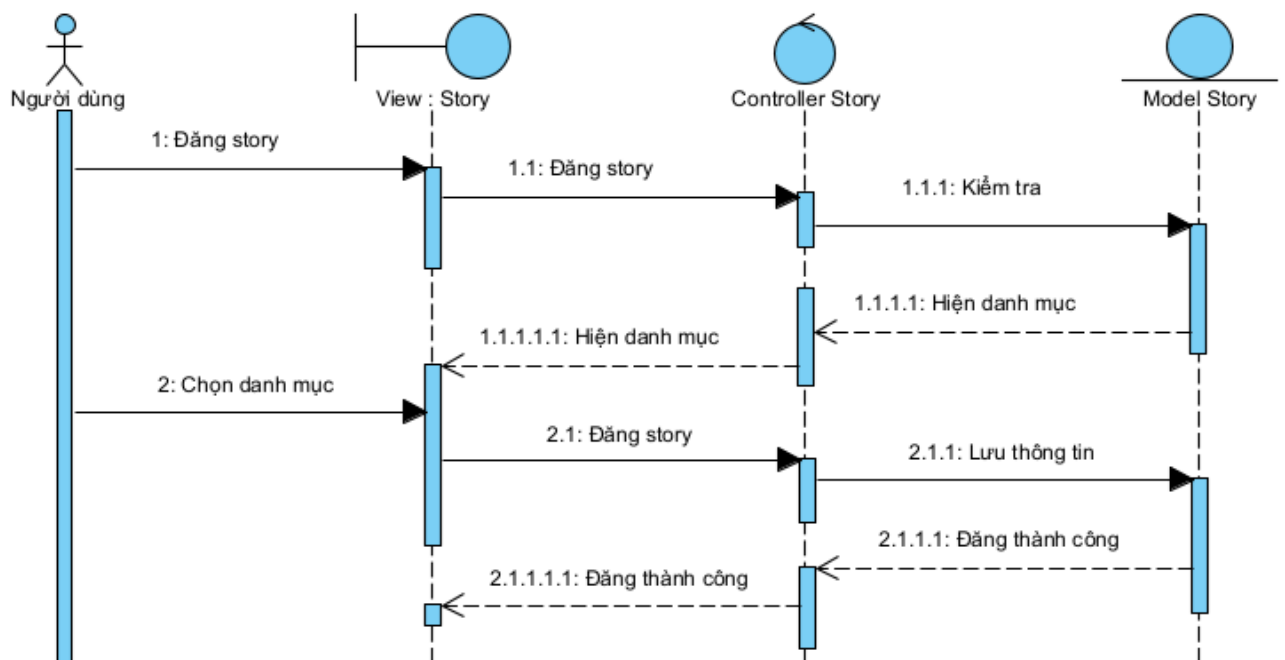
Hình 20: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Chỉnh sửa danh mục tin”.

### 8.14. Xóa danh mục tin



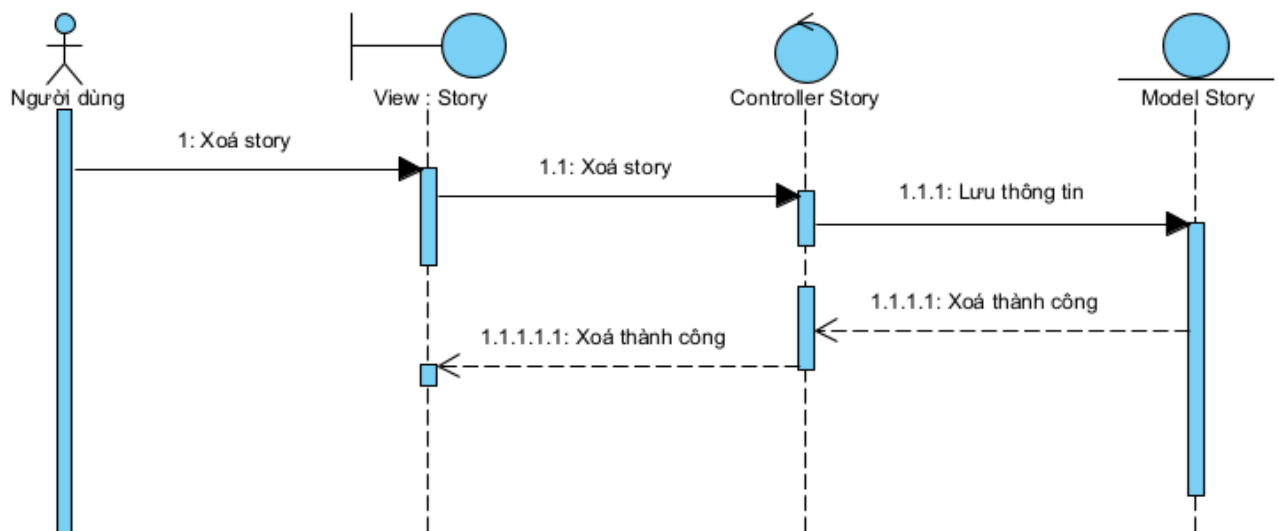
Hình 21: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Xóa danh mục tin”.

### 8.15. Đăng tin



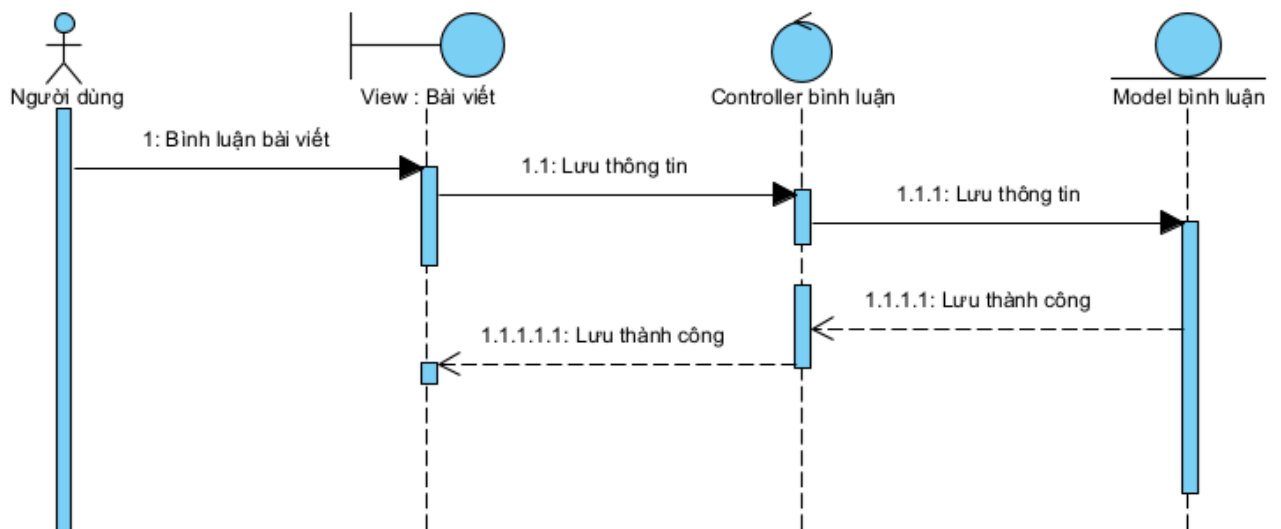
Hình 22: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Đăng tin”.

### 8.16. Xóa tin



Hình 23: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Xóa tin”.

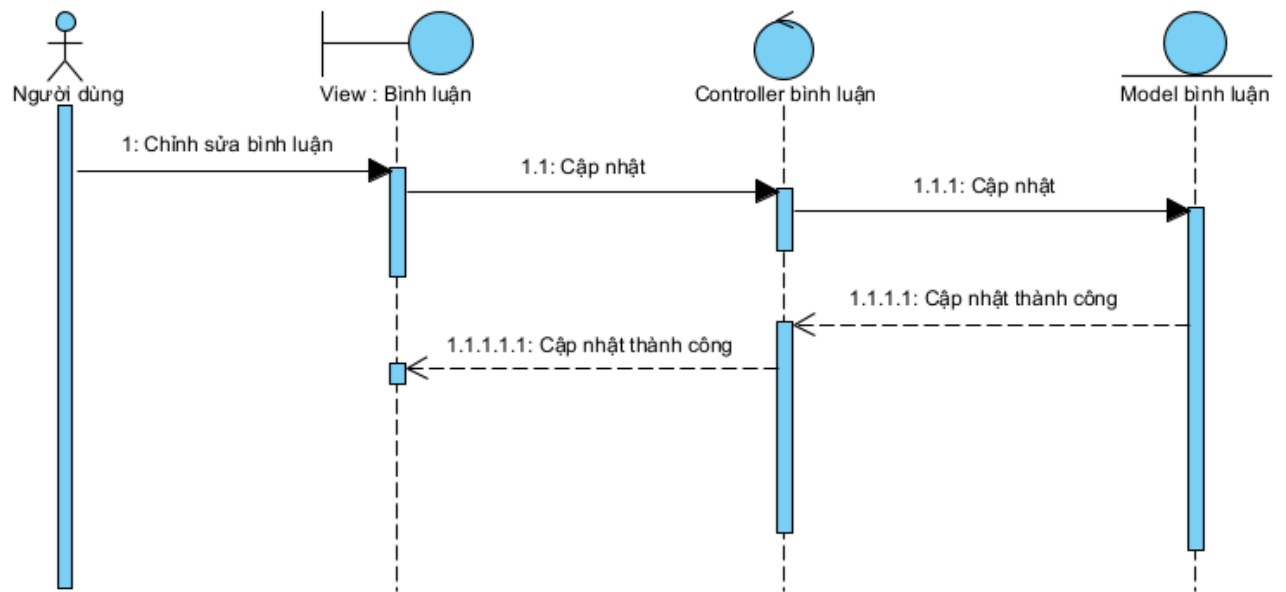
### 8.17. Bình luận



Hình 24: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Bình luận”.

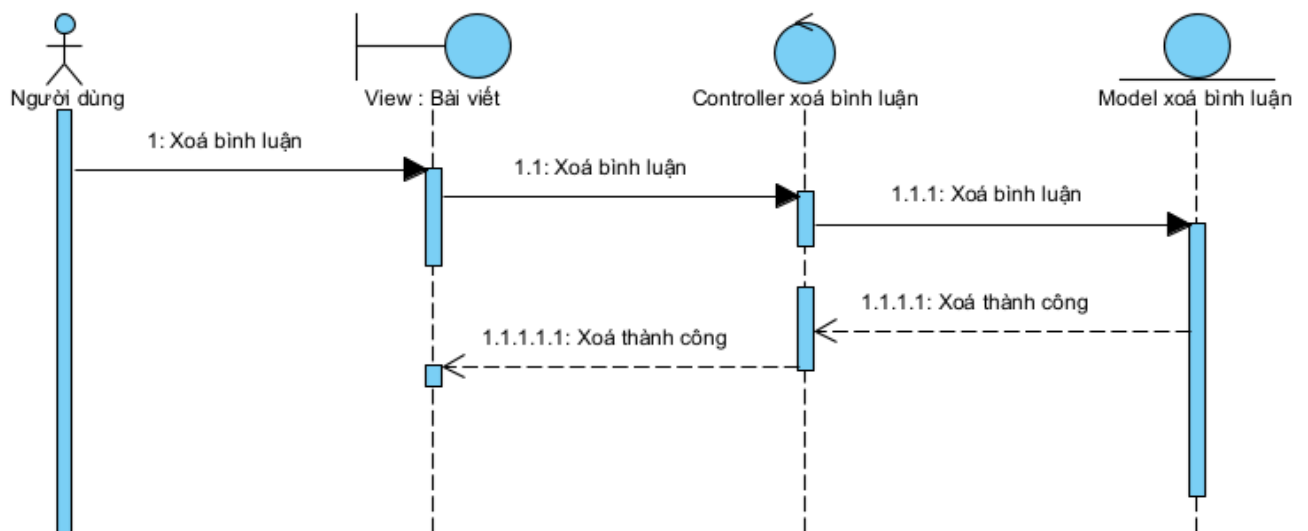


### 8.18. Chỉnh sửa bình luận



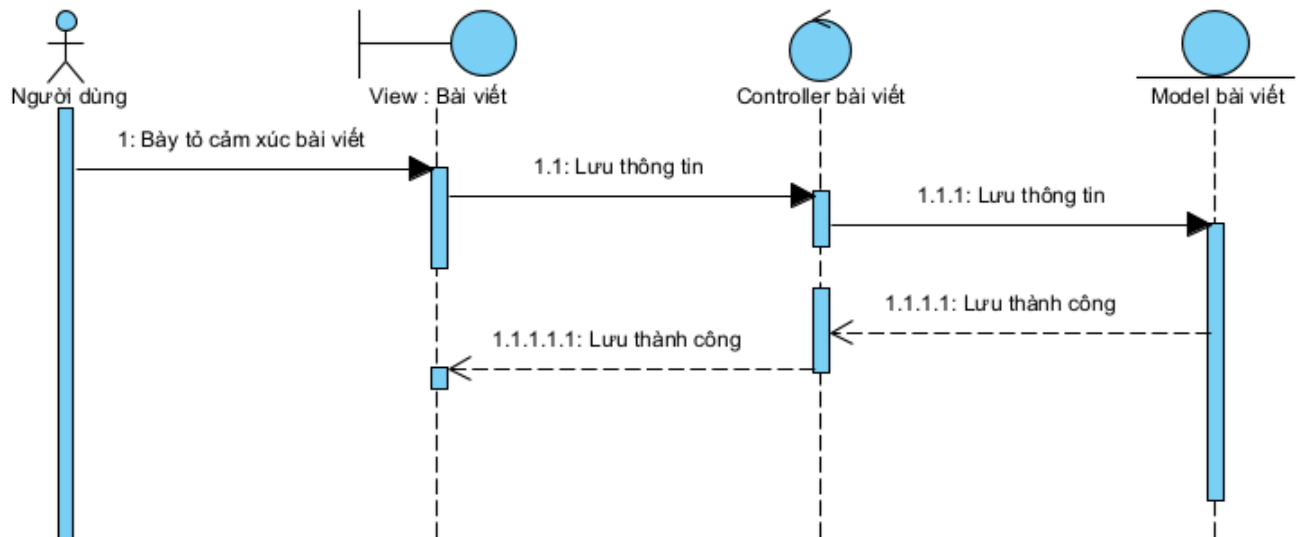
Hình 25: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Chỉnh sửa bình luận”.

### 8.19. Xóa bình luận



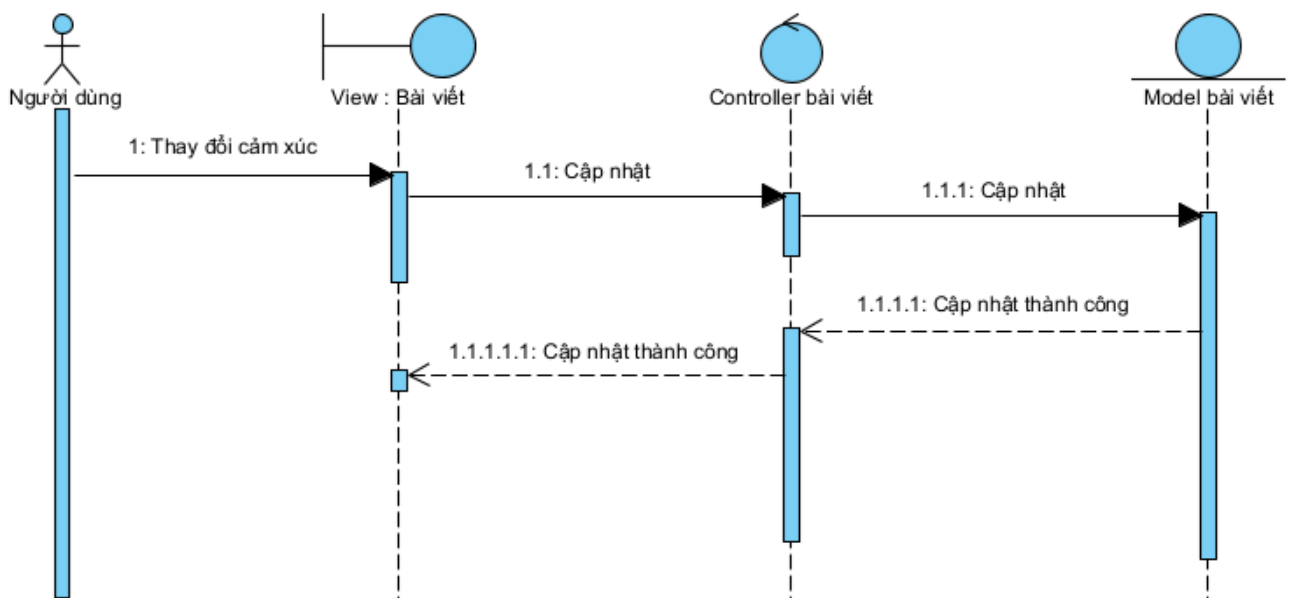
Hình 26: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Xóa bình luận”.

## 8.20. Bày tỏ cảm xúc



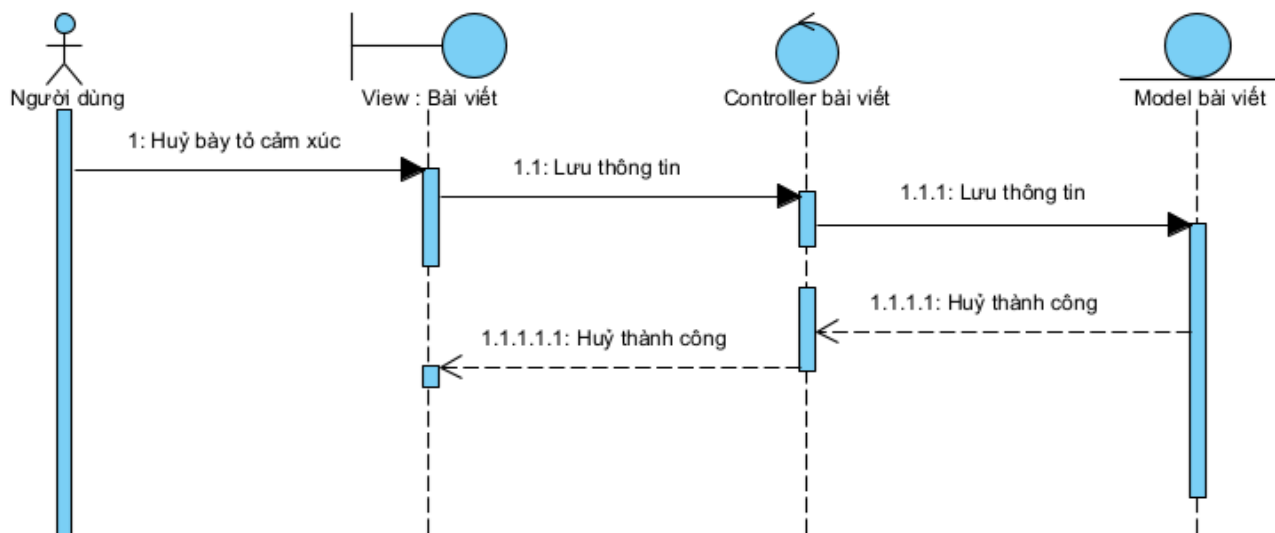
Hình 27: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Bày tỏ cảm xúc”

## 8.21. Thay đổi cảm xúc



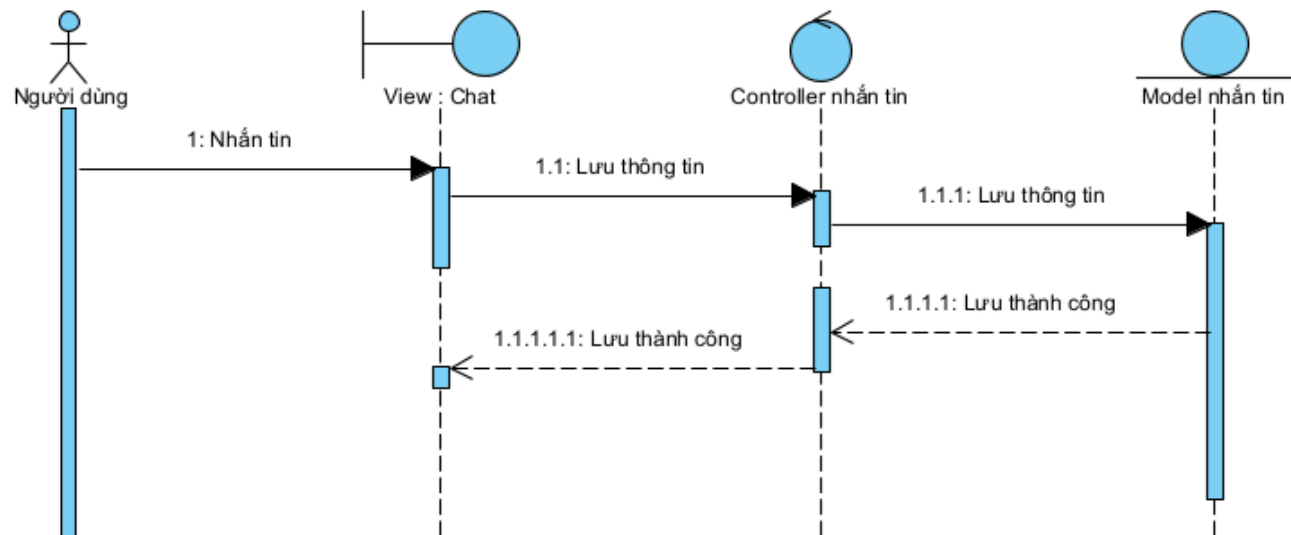
Hình 28: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Thay đổi cảm xúc”.

## 8.22. Hủy bày tỏ cảm xúc



Hình 29: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Hủy bày tỏ cảm xúc”.

## 8.23. Nhắn tin



Hình 30: Biểu đồ trình tự cho chức năng “Nhắn tin”.

## **9. Tài liệu tham khảo**

Tài liệu tham khảo từ internet: <https://facebook.com> (tham khảo giao diện).